

NGUYỄN QUANG TIẾN

HƯỚNG DẪN VIẾT

GIA PHẢ²



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - DÂN TỘC

NGUYỄN QUANG TIỀN

HƯỚNG DẪN
VIẾT GIA PHẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
Hà Nội - 2000

LỜI TÁC GIẢ

Gia phả ở nước ta có từ thời nhà Lý. Cuốn gia phả đầu tiên của Lý Thái Tổ (1026) là cuốn "Hoàng triều ngọc điệp", đời Trần có "Hoàng tông ngọc điệp", đời Lê có "Hoàng Lê ngọc phả".

Gần đây những người làm công tác bảo tồn, bảo tàng ở Trung ương và địa phương đã phát hiện được gia phả cùng mộ táng Lê Văn Hưu. Gia phả gồm 3 cuốn, không ghi người soạn, chép từ thời khởi thủy dòng họ Lê đời vua Đinh Tiên Hoàng cho đến đời gần đây cả thấy 20 đời. Lê Văn Hưu thuộc đời thứ 7 sinh năm Canh Dần (1230 - 1322).

Hiện nay ở ta có nhiều cuốn gia phả xuất hiện ở các dòng họ. Mỗi cuốn chép với cách thức khác nhau. Đa số chép phả hệ của dòng họ. Chép như vậy quá đơn giản, ít có tác dụng giáo dục truyền thống, phẩm hạnh. Có một số họ, đã biết kết hợp cả phả hệ với phả kỳ thành một cuốn gia phả khá hoàn chỉnh, có thể là mẫu mực chung có mọi nhà. Tôi mạnh dạn giới thiệu với bạn đọc về những vấn đề giành cho người viết gia phả.

Trước tiên phải thấy rằng gia phả là gia phả của gia đình, dòng họ nên người viết gia phả phải hiểu biết sâu sắc về gia phả, dòng họ, biết được chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa mọi thành viên trong gia đình, dòng họ. Sau đó người viết phải hình dung được kết cấu của cuốn gia phả. Tham khảo các cuốn gia phả tôi mạnh dạn giới thiệu về kết cấu và nội dung từng phần trong cuốn gia phả sau đó trích đoạn các cuốn gia phả để các bạn học tập cách viết của người trước.

Hy vọng, với cách làm này chúng ta sẽ có được cuốn gia phả vừa ngắn gọn, vừa có nội dung phong phú, giúp cho thế hệ hiện tại hiểu được công lao sự nghiệp của tổ tiên.

GIA ĐÌNH, GIA PHẢ

Gia đình hai tiếng thông thường nhất, quen thuộc nhất với mọi người. Hai tiếng ấy được quan niệm một cách hết sức rộng rãi trong nhiều trường hợp khác nhau. Gia đình có thể chỉ là hai vợ chồng sống chung một mái nhà, gia đình có thể gồm những người cùng huyết thống (ông bà, chú bác, cô dì...)

Trong Từ điển tiếng Việt của Bộ giáo dục đào tạo đã ghi : "Gia phả tập hợp những người có quan hệ hôn nhân và huyết thống sống cùng một nhà."

Bởi vậy, bất kỳ ai, dù hoàn cảnh, địa vị nào cũng đều có một gia đình.

Trong một gia đình chung sống với nhau, nếu ta lấy bản thân ta mà tính lên sẽ có :

- Trên ta là cha mẹ, gọi là Phụ Mẫu.
- Trên cha mẹ là ông bà, gọi là Tổ phụ, Tổ mẫu.
- Trên ông bà là cụ ông, cụ bà gọi là Tăng tổ phụ, Tăng tổ mẫu.

- Trên hai cụ là hai kỵ, gọi là Cao tổ phụ, Cao tổ mẫu.

- Trên nữa thì gọi chung là Cao cao tổ, lên mãi cho đến Thủy tổ.

Năm đời cùng ở chung với nhau gọi là Ngũ đại đồng đường. Đây là trường hợp hiếm. Nếu ta lên một tuổi thì Cao tổ phụ, Cao tổ mẫu ít ra là 80 tuổi, ấy là tính lúc sinh ra ta cha mẹ ta 20 tuổi.

Bốn đời cùng ở với nhau gọi là Tứ đại đồng đường, trường hợp này có nhiều.

Ba đời cùng ở với nhau gọi là Tam đại đồng đường là lẽ thường vì chỉ gồm có ông bà, cha mẹ, các con.

Nếu lấy bản thân ta mà tính xuống, thì sẽ có:

- Dưới ta là con, chữ là Tử.
- Dưới con là cháu, chữ là Tôn.
- Dưới cháu là chắt, chữ là Tăng tôn.
- Dưới chắt là chót, chữ là Huyền tôn.

Còn dưới nữa đều gọi là Viễn tôn.

Tính từ Cao tổ đến Huyền tôn là cửu tộc, tức là 9 đời có mối liên hệ trực tiếp với nhau (vào khoảng 200 năm). Ngoài phạm vi cửu tộc thì tình máu mủ ruột thịt ngày càng xa nhau.

Vợ chồng là hai cái cột chính trong gia đình, sau sẽ trở thành cha mẹ, ông bà.

Kể từ khi đôi bên kết hôn đã có nghĩa vụ với nhau, lại có cả nghĩa vụ đối với người trên, người dưới nữa. Ông bà cha mẹ đến lúc tuổi già sức yếu, bệnh tật vợ chồng con cái đều có nghĩa vụ phụng dưỡng trông nom chăm sóc và thờ cúng. Đó là bốn phận đối với bề trên. Đối với người dưới phải có nhiệm vụ chăm lo dạy dỗ, giáo dục, gây dựng cho con đến khi khôn lớn trưởng thành.

Gia đình, là nơi những người cùng máu mủ ruột thịt quây quần xum họp, là nơi ấp ủ tình thương bao la của cha mẹ anh em, là nơi gói ghém mối tình chung thủy vợ chồng, cùng chung lưng đấu cật nuôi dạy con cái, xây dựng tổ ấm.

Gia đình hai chữ ngắn gọn ấy đã gọi cho ta bao tình cảm nồng nàn, tha thiết trong vòng tay của mẹ từ lúc cất tiếng khóc chào đời đến lúc khôn lớn trưởng thành.

Những bữa cơm hàng ngày của gia đình và những ngày giỗ, ngày tết tạo nên sự đầm ấm hạnh phúc gắn bó trong gia đình.

Trong ngày, mỗi người một công việc khác nhau. Người đi làm công sở, người làm việc đồng áng, chợ búa, học hành. Đến bữa, tất cả kéo nhau về chung nhau một nồi cơm, một bát nước chấm. Tất

cả những diễn biến vui buồn trong ngày để dành lại trao đổi hả hê, thoải mái quanh mâm cơm, những hờn giận bực bội tan biến, thay vào đó là niềm vui phấn khởi của không khí gia đình. Gần đây, ở các đô thị cuộc sống công nghiệp đã tạo nên nhiều thay đổi trong nếp sinh hoạt gia đình. Bữa sáng, bữa trưa ai tiện đâu ăn đấy. Ban ngày nhà đóng cửa, mỗi người đi mỗi nơi đến tối mới có điều kiện tập hợp nhau lại chung một bữa ăn. Vì thế sự gắn bó của gia đình ở đô thị có phần nào lơ lửng hơn gia đình ở nông thôn.

Những ngày giỗ, ngày tết thật thiêng liêng. Con cháu nhớ đến ngày ông bà, cha mẹ đã qua đời, làm mâm cơm cùng ít hoa quả kính cẩn thắp nén nhang dâng lên bàn thờ để tưởng nhớ đến người quá cố, tỏ lòng thành kính biết ơn đến người đã sinh thành ra mình. Nhân dịp này con cháu cùng được nghe bác trưởng hoặc các cụ cao niên kể lại thân thế sự nghiệp, những giai thoại về người quá cố. Đây cũng là dịp tốt để gặp gỡ trao đổi tình cảm, cách làm ăn xây dựng cuộc sống, hiểu biết về thứ bậc trong dòng họ.

Quanh năm làm ăn vất vả, mọi người ít có điều kiện qua lại thăm hỏi nhau. Đến ngày tết dù ở đâu, đi đâu mọi người đều mong muốn về quê ăn tết để xum họp gia đình, gặp lại những

người thân trong thôn xóm. Trong giờ phút giao thừa, mọi người trong gia đình quây quần dưới bàn thờ thắp nén hương cúng tổ tiên, cùng nhau chào đón năm mới. Con cháu mừng tuổi, chúc tụng ông bà, cha mẹ. Ông bà mừng tuổi nhắc nhở con cháu sang năm mới giữ gìn sức khỏe, chăm lo học hành, ngoan ngoãn tiến bộ hơn năm cũ. Giờ phút thiêng liêng của buổi giao thừa, người trưởng trong gia đình cần đem Gia phả ra đọc lại cho toàn gia đình nghe về nguồn gốc, truyền thống của dòng họ. Nói lại về thân thế, sự nghiệp, những lời "di ngôn" "giáo huấn" của những vị tiền nhân đối với thế hệ sau. Trong mấy ngày tết mọi người cùng nhau đến từng nhà trong họ hàng, làng xóm để chúc mừng năm mới an khang thịnh vượng, vui vẻ hạnh phúc hơn năm cũ. Cung nhân dịp thăm hỏi chúc tụng nhau trong ngày tết mà mọi người hiểu biết thêm về thế thứ trong dòng họ, hiểu biết thêm về công lao thành tích xây dựng quê hương của mỗi người, gắn bó thêm về tình cảm gia đình, họ hàng, làng xóm quê hương.

Tiểu biểu của nhân cách Việt Nam là tinh thần sống vì mọi người, điều đó đã thể hiện ở trong gia đình Việt Nam bằng nghĩa vụ, bốn phận : Làm cha làm mẹ phải nuôi dạy con cái, con cái hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ. Mọi người trong gia

đình phải có trách nhiệm với nhau trên cơ sở lấy nghĩa tình làm nền tảng - dù họ đang sống hoặc đã chết. Điều đó đã trở thành đạo lý truyền thống của gia đình Việt Nam.

Gia đình còn là nơi đào tạo cốt cách cho những tài năng của đất nước. Từ xa xưa, nhiều gia đình dù nghèo đến đâu cũng tìm mọi cách cho con cái học tập để giúp ích cho đời, cho xã hội. Chính truyền thống hiếu học của các gia đình Việt Nam đã hun đúc và góp phần đào tạo nên những tài năng cho đất nước. Xét về phương diện khoa học, truyền thống gia đình là môi trường, là phương tiện kích thích cho các thành viên trong gia đình từ thuở ấu thơ đã có thể nhanh chóng tiếp thu các kiến thức giáo dục.

Trong lịch sử Việt Nam thấy nhiều gia đình đã cung cấp nhân tài cho đất nước. Gia đình họ Nguyễn ở xã Kim Bôi, huyện Vũ Ninh (nay là Quế Võ, Bắc Ninh) có 5 anh em đều đỗ Tiến sĩ trong 4 khoa liên. Tiếp đó 6 người con của 5 anh em đều đỗ Tiến sĩ. Như vậy trong vòng 30 năm, hai thế hệ cha con họ Nguyễn này đã có 11 người đỗ đại khoa.

Gia đình họ Lê ở xã Liên Xá, huyện Đường Hào, nay là huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên, hai thế hệ cha con có 5 người đỗ đại khoa.

Những người cùng huyết thống trong các thế hệ kế tiếp nhau tạo thành dòng họ. Tìm về với cội nguồn trước hết là tìm về những người trong dòng họ, cùng huyết thống, máu mủ ruột thịt. Cần chú ý phát huy những mặt tốt và hun đúc nó thành truyền thống. Có thể là tinh thần lao động kiên cường đi khai phá cơ nghiệp mới, chống chọi với thiên tai khắc nghiệt. Có thể là tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, giúp đỡ, khuyến khích, dìu dắt nhau để làm ăn sinh sống, tồn tại. Có thể là truyền thống hiếu học trọng đạo, vươn lên không ngừng để chiếm lĩnh đỉnh cao văn hoá của thời đại mà mỗi thành viên trong họ phải thấm nhuần ngay từ khi còn nhỏ. Có thể là tinh thần nhân nghĩa, lòng thương yêu cứu giúp người nghèo khổ hoạn nạn. Có thể là gương sáng về tinh thần dũng cảm đấu tranh vì lợi ích của dân tộc, vì truyền thống yêu nước của dân tộc ta đã được hun đúc từ hàng ngàn năm qua đấu tranh chống ngoại xâm. Từ khi thực dân Pháp xâm chiếm, áp bức và đô hộ nước ta, đã có bao nhiêu dòng họ bất khuất kiên cường đấu tranh. Nhiều thế hệ ông cha tham gia phong trào Cần Vương, đến thế hệ con cháu tham gia cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, mặc dù phải hy sinh đầu rơi máu chảy mà vẫn không lùi bước. Truyền thống yêu nước đấu tranh cách mạng của nhiều dòng họ được phát huy trong

cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Nhìn lại lịch sử dân tộc, chúng ta thấy rất rõ : Nhiều anh hùng dân tộc, nhiều danh nhân lịch sử, văn hoá của đất nước đều được nuôi dưỡng trưởng thành từ những dòng họ có truyền thống lâu đời như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du... Trong bốn thế kỷ, dòng họ Vũ làng Mộ Trạch huyện Đường An nay là huyện Cẩm Bình, Hải Dương có tới hơn 100 người đỗ Tiến sĩ. Trong đền thờ cụ tổ Hồ Hưng Dật có bốn chữ vàng chói lọi "Vạn đại vì dân". Dân gian có câu "Hà Tĩnh họ Phan, Nghệ An họ Hồ", ấy là hai dòng họ nổi tiếng nhất chốn quan trường. Họ Hồ Nghệ An có 5 ông Vua, 4 ông Trạng, 16 Tiến sĩ ⁽¹⁾.

Như vậy, truyền thống của gia đình dòng họ đóng vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo nhân tài cho đất nước.

Mặt khác, ta phải loại trừ, ngăn cản, phê phán tư tưởng lạc hậu cục bộ "Một người làm quan cả

(1) 5 ông Vua : Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương, Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Quang Toàn ; 4 ông Trạng : Hồ Quý Dân, Hồ Tông Thúc, Hồ Tông Thành ; 16 Tiến sĩ : Hồ Doãn Hải, Hồ Ngạn Thẩm, Hồ Ước Lễ, Hồ Doãn Văn, Hồ Sĩ Tôn, Hồ Sĩ Tâm, Hồ Sĩ Đống, Hồ Sĩ Tuấn, Hồ Trung Lương, Hồ Văn Tri, Hồ Sĩ Tạo...

họ được nhờ" dẫn tới sai phạm về pháp luật, làm cản trở đến bước tiến chung của xã hội, đất nước.

Nhiều gia đình cùng huyết thống tạo nên dòng họ, nhiều dòng họ tạo nên làng xã, dân tộc. Như vậy gia đình có chức năng sinh sản, nuôi dưỡng, duy trì và phát triển nòi giống xã hội. Xã hội, nhà trường cùng với gia đình giáo dục, xây dựng và bồi dưỡng nhân cách, hình thành tâm hồn con người. Gia đình có tốt thì xã hội mới tốt. Đó là một chân lý không thể nào phủ nhận được.

Bên trong và xung quanh gia đình luôn ẩn kín lớp di vãng xa xưa của tổ tiên cụ kỵ mà ta không bao giờ biết đến nếu không có Gia phả.

Vậy Gia phả là gì ? Vai trò của nó đối với đời sống con người ra sao ?

Trước tiên phải hiểu "phả" còn gọi là phổ do nguồn gốc chữ Hán có nghĩa là quyển sách biên chép có thứ tự. "Phả" có nghĩa là biên chép vào. Phả gồm hai bậc :

- Tộc phả ghi về tông tộc của một dòng họ, khoảng từ 10 đời trở lên.

- Gia phả ghi một chi nhánh họ khoảng từ 5 đời đến 9 đời (trong phạm vi cửu tộc).

Theo Từ điển của Đào Duy Anh thì "Gia phả là cuốn sách ghi chép thế hệ lịch sử tổ tiên trong

họ". Nhưng theo hiểu biết thông thường trong dân gian thì Gia phả là tập sách riêng của mỗi nhà, mỗi dòng họ dùng để chép tên tuổi, phần mộ ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình, dòng họ. Nó khác với lịch sử ở chỗ chỉ dùng trong phạm vi một nhà, một dòng họ và được giấu kín. Vì sao Gia phả phải được giấu kín ? Bởi lẽ, trong các cuộc nội chiến, cuộc chiến tranh xâm lược kẻ thù thường dựa vào Gia phả để tìm nguồn gốc, lai lịch của mỗi người, tìm cách ruồng xét, khủng bố, đào bới mồ mả để làm nhục đối phương.

Tìm hiểu lịch sử của một quốc gia là tìm hiểu nền văn hoá truyền thống, sự tiến hoá, diễn biến chung của một dân tộc qua các giai đoạn lịch sử. Nhưng tìm hiểu lịch sử gia đình là tìm hiểu về cội nguồn, gia phong của gia đình đó, tìm hiểu tiểu sử riêng biệt của từng người vì chính con người đã được sinh ra, nuôi dưỡng từ gia đình. Mỗi con người được sinh ra và lớn lên đã mang sẵn trong mình một dòng máu, một nguồn gốc của dĩ vãng. Nguồn gốc ấy là tổ tiên của mỗi con người.

Muốn tìm hiểu lịch sử một con người người ta tìm tới Gia phả vì trong Gia phả ghi chép dĩ vãng, nếp sinh hoạt của dòng họ người đó trong gia đình và ngoài xã hội.

Nhìn vào Gia phả thấy từ đời này sang đời khác

có nhiều người học vấn uyên thâm, đỗ đạt khá cao thì phần nào hiểu những con người hiện tại học hành ra sao ? Tương lai của họ như thế nào?

Dừng bao giờ quên rằng lịch sử quốc gia, dân tộc gắn với ức triệu lịch sử gia đình, dòng họ. Hiểu rõ được như vậy mới nhận thức được hết vai trò của Gia phả không chỉ có liên quan đến tông tích của con người trong gia đình mà còn liên quan đến lịch sử của quốc gia nữa.

Tìm hiểu họ hàng, trước hết phải tìm hiểu nguồn gốc của tổ tiên, biết được thế thứ, ngọn ngành của các chi giới, biết được công lao sự nghiệp của từng con người trong dòng họ. Điều quan trọng là phải biết được những đức tính quý báu, ý chí, nghị lực, tâm hồn của tổ tiên đã hun đúc từ bao đời di truyền cho con cháu từ đời này qua đời khác tạo thành truyền thống dòng họ.

Việc làm Gia phả của người xưa nhằm hai mục đích :

- Trước hết giúp người ta nhớ ngày giỗ của tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

- Sau nữa dẫn dụ cho con cháu biết được nguồn gốc tổ tiên từ đâu đến, họ hàng trên dưới xa gần thân sơ ra sao. Nhờ có Gia phả mà con cháu đời sau mới hiểu ngọn ngành chi phái nhà mình, biết

được công lao, truyền thống tốt đẹp của tổ tiên mà noi theo.

Bởi vậy, Gia phả ngoài nhiệm vụ giúp con cháu nhớ đến tên tuổi, lai lịch, nguồn gốc, tông tích của tổ tiên, nó còn là chiếc cầu liên lạc vô hình nhưng hữu hiệu nhất cầu kết hết thảy con cháu dòng họ lại với nhau giữa người sống (con cháu) với người chết (tổ tiên). Nó nhắc nhở con cháu phải luôn luôn nhớ đến tổ tiên, nhớ đến công lao của tổ tiên đã gian nan xây dựng, bồi đắp nên dòng họ.

Gia phả nhắc nhở mọi người trong gia đình phải ra sức học tập, lao động, phát huy những truyền thống tốt đẹp của ông cha đã vun đắp nên. Nó là mệnh lệnh nhắc nhở con cháu phải phấn đấu vươn lên đời sau cao đẹp hơn đời trước, "con hơn cha là nhà có phúc".

CÁCH CHÉP GIA PHẢ

Các cuốn Gia phả hiện nay thường không giống nhau, có nghĩa là không có mẫu mực nào, không có sự hướng dẫn chung nào của các tổ chức văn hoá. Mỗi cuốn chép một cách, có cuốn thì quá vắn tắt như một danh sách của từng đời trong họ. Có cuốn thì không chú ý đến phần phả hệ mà biến sang thể tiểu truyện hoặc bút ký tràng giang đại hải. Cái khó nhất của người chép Gia phả là phải định được khuôn mẫu, phải nắm chắc được tư liệu qua các đời một cách khách quan, trung thực. Vấn đề là phải viết sao đạt được hai mục đích (đã nêu ở trên).

Chúng tôi mong muốn đưa ra một mẫu chung để các bạn tham khảo, sau này chúng ta sẽ đi tới khuôn mẫu thống nhất cả về hình thức và nội dung.

VỀ NỘI DUNG

Gia phả gồm ba nội dung lớn : Phả ký, phả hệ, phả đồ.

- Phả ký : Gồm lời nói đầu (lời tựa) ; quá trình phát sinh, phát triển dòng họ (nguồn gốc dòng họ); mảnh đất xưa và nay dòng họ đã ở, những lời di ngôn, giáo huấn của tiền nhân, những tập quán truyền thống của dòng họ.

- Phả hệ : Ghi chép các đời trong họ theo thế thứ đã định.

- Phả đồ : Là phần cụ thể hoá phần phả hệ bằng các sơ đồ.

Cần chú ý : Phả ký đan xen vào tất cả các phần trong Gia phả. Vì vậy viết một cuốn Gia phả không nên tách ra làm ba phần phả ký, phả hệ, phả đồ mà nên linh hoạt viết, có thể theo dàn ý :

1. Lời tựa.
2. Quá trình phát sinh, phát triển (nguồn gốc).
3. Mảnh đất xưa và nay dòng họ đã ở.
4. Phả hệ.
5. Phả đồ.
6. Truyền thống của dòng họ.
7. Di ngôn.

Sau đây xin giới thiệu cách ghi các phần cụ thể, có giới thiệu những đoạn trích các cuốn Gia phả để các bạn tham khảo:

1. LỜI NÓI ĐẦU HAY LỜI TỰA CUỐN Gia phả

Ở phần đầu cuốn Gia phả nào cũng có *Lời tựa* hay *Lời nói đầu*. Đây là lời của một danh nhân nào đó trong dòng họ hoặc là lời của người lập phả nói với con cháu về ý nghĩa việc lập phả. Đồng thời là những lời giáo huấn, lời tâm tình, lời giới thiệu về sự ra đời và nội dung của cuốn Gia phả. Trong cuốn Gia phả họ Nguyễn Động Đông Trung, huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình, danh nhân Nguyễn Mậu Kiến đã viết :

"Nhà có Gia phả như nước có quốc sử. Sử chép việc chung trong thiên hạ, phả viết việc riêng của một họ. Gia phả có ba ý nghĩa :

- Một là làm rõ nguồn gốc của dòng họ.
- Hai là ghi chép thành tích, công lao nhân nghĩa của các đời tích lũy nên.
- Ba là để biết rõ những ngày cúng kỵ, cùng phần mộ những vị đã quá cố, làm cho con cháu đời đời không quên.

Vì vậy không gia tộc nào không có Gia phả, mặc dù có kẻ sang người hèn, kẻ quê mùa người văn nhã. Mỗi người mỗi vẻ song ý nghĩa việc biên chép Gia phả là giống nhau.

Họ Nguyễn ta họ ở Đông Trung, tổng Xuân Vũ, huyện Xuân Đình, phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định (nay là Thái Bình). Đời trước vốn có Gia phả, sau vì binh hoả thất lạc. Việc xa xưa khó tra cứu. Kể từ khi cụ Thuỷ tổ có văn học phát khoa tới nay đã trên 18 năm. Với thời gian ấy, công lao của các đời trước vì đâu mà có, đáng cho đời sau suy nghĩ, kế đó mà thi thư nối nghiệp, trung hậu truyền gia. Các học vị như hương công, cử nhân đều có. Những vị tuổi cao, những người giàu sang chu cấp cho mọi người cũng có. Tuy chưa dám nói là thế gia lệnh tộc cũng đáng là một họ tiêu biểu cho chốn hương thôn. Nghĩ đến công lao khai phá ruộng đồng, mở mang học vấn để lại ân huệ hương thơm cho đời sau. Vị Thuỷ tổ ta mở mang tạo nghiệp từ xưa, các tổ sau vun đắp. Thật đúng là nguồn nước đã sâu lại sâu thêm, gốc đã bền lại vững thêm. Do đó mà dòng chảy mệnh mông xa tít, cành lá sum suê. Đó là lẽ tự nhiên vậy.

Là con cháu, biết cây ruộng, đọc sách, đó là vốn truyền thống gia tộc, giữ lòng trung tín, là

cái nguồn truyền đời kế tiếp. Người cố gắng phân
dầu, đời đời nối dõi kế thừa. Người giàu có đừng
chạm đến tiền tài phải nghĩ ngay đến việc nghĩa,
làm nên tảng mở mang phúc âm cho tương lai.
Người nghèo thì tùy phận ăn hiền ở lành, người
đi học hay người đi làm ruộng phải chăm chỉ đi
sâu vào nghiệp vụ. Người hiền tài có danh vọng
càng phải làm rạng rỡ công lao sự nghiệp đời trước.
Đó là sự cao truyền, kế tục, càng lâu đời nổi bật
để không thẹn với khuôn phép mẫu mực sáng ngời
của tổ tiên. Đó là điều vui mừng, đem ghi chép
lại điều ấy vào sách vở cho muôn đời sau há chẳng
phải là một việc to lớn hay sao.

Kiến này tài năng kém cỏi, học vấn bình thường,
dựa vào việc ghi chép chuyện tiên tổ sao lại chẳng
cố gắng khuyến miễn, gặp ngày giỗ cụ Thủy tổ,
ngồi cùng bà con trong họ trò chuyện, đàm luận.
Ngay với chi mình thì thế thứ ra sao. Có nhiều
khi không biết hết, trong lòng cảm xúc nghĩ ngợi
cả ngày. Anh con ông bác là Đăng Đài bảo tôi
biên tập lại Gia phả. Tôi bèn đi hỏi các vị già
lão trong họ thì việc xếp theo thế thứ có thể khảo
sát được. Từ vị Thủy tổ về sau, trong thời gian
ấy phân biệt bao nhiêu thế thứ và sự trạng đã
biên chép có hệ thống. Ngoài ra các ngày kỵ húy,
phần mộ hoặc khảo sát qua truyền ngôn mà được
ghi thành tập vậy.

Còn như điển cố có rõ ràng chính xác, những chữ nghĩa có tình tường chắc hẳn là phải chờ sau này. Nay viết lời tựa."

NGUYỄN MẬU KIẾN 1548

*

* *

Nói chung, các cuốn Gia phả đời xưa đều viết bằng chữ Hán, nội dung còn đơn sơ. Sau này, các cụ có tâm huyết với tổ tiên, họ hàng đem tu chỉnh, bổ sung thêm cho hoàn chỉnh. Trong bài tựa cũng nêu lại quá trình đó để con cháu thấy được điều tâm huyết của tiền nhân. Đồng thời các cụ dựa vào lời tựa của mình để nhắc nhở con cháu thực hiện nét đẹp truyền thống của gia đình. Ta có thể tham khảo thêm về điều này qua Lời tựa của cụ Bùi Phổ trong Gia phả họ Bùi : *"Nhà đã có Gia phả từ lâu rồi. Năm Kỷ Ty 1808 Phổ tôi được cha sai kiểm đọc lại phả cũ của các chi để biên soạn thành tập. Trên thì chép từ khi cụ Thượng tổ mới tạo dựng cơ nghiệp của các tiền liệt về sau. Làm xong xin đính chính (bấy giờ có hai ông và tộc trưởng là ông Bá Ngọc đều có mặt ở đấy tham gia).*

Nhân có người em là Bùi Thạch đến thăm đưa

cho quyển Gia phả và bảo "xem kỹ sẽ rõ". Kể từ khi ông tổ Bùi Diệu giao cho ông Bá Ngọc tu bổ vì ông ấy là người biết rõ các công việc của họ ta. Từ khi còn nghèo đến khi giàu có lúc nào cũng giữ tổ nghiệp mà không hề đổi thay, trong những lúc vui buồn lòng lại càng thêm bức bách, nghĩ suy. Bèn đem ba quyển phả cũ, đồng thời ghi sơ lược về công trạng, sự tích bình sinh của cha mẹ, rồi đem ra hiệu chỉnh mà thành quyển tục biên này.

Ôi ! Cái nguồn có sâu thì dòng mới xa, cái gốc có vững thì cành lá mới sum suê, ấy là cái lẽ tự nhiên không thể khác được. Họ Bùi ta đời đời kế tiếp trải mấy trăm năm, mặc dù đã lắm bể dâu mà bụi trần chẳng vấy. Bàn về chuyện cấy cày, luận về ý nghĩa thường giữ nếp nhà, há chẳng do tổ tiên đời trước đã xây nền cơ nghiệp vững bền đó sao ? Đã là con cháu, thì cần phải biết lấy việc đọc sách như việc cấy cày làm nếp đẹp truyền gia, lấy đức hiếu thảo thuận hoà làm đầu cho mọi mục tiêu, càng ngày càng đôn hậu để không thẹn với di huấn của tiền nhân ta, ấy là điều phúc đức lâu dài vậy. Được dựa trên cơ sở thư tịch lâu đời, thì đây chẳng phải là nguồn tư liệu vô cùng phong phú đó sao ? Biên thêm mấy dòng mong được lời chỉ bảo của toàn gia tộc."

Năm Canh Dần 1830.
Cháu Bùi Phổ kính cẩn



Người lập phả thường lấy lời tổ tiên kêu gọi thay cho lời tựa, nhắc nhở con cháu làm theo điều hay lẽ phải. Đó là những "di ngôn" quý báu mà mọi con cháu phải trân trọng ghi nhớ. Trong lời tựa của cuốn *"Chính tộc Nguyễn phả"* xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, tác giả Nguyễn Trung Đường đã ghi :

"Chính phả họ Nguyễn ta truyền lại từ cụ thứ nhất đến nay đã được 21 đời. Từ lúc chỉ có một mình cụ Thận Đức thì nay đã có hàng ngàn con cháu có mặt trên khắp mọi lĩnh vực khoa học, chính trị, kinh tế và quân sự.

600 năm ấy trải qua bao biến thiên lịch sử, bao thăng trầm. Họ Nguyễn ta đã cùng với dân tộc không ngừng phát triển, không ngừng đấu tranh để tự sinh tồn, chiến thắng và chính phả họ ta lại đây thêm những trang truyền thống vàng son, đức độ sáng ngời, lòng ham học, trí thông minh và những tài năng cống hiến cho quốc gia.

... Những lời truyền tụng xưa đã trở thành những điển ngữ để người đời ngợi ca tổ tiên. Gia đình hoà mục thì "tương hồ vi huynh". Khi thành danh lấy "thanh thiên" giữ đạo, làm quan lấy "liêm cần"

trị theo kỷ luật. Ngồi trên công đường như "Bao Công xuất thế", làm ăn như "Văn Trình an khuyến", xử thế đối với dân còn "vọng mãi dư âm", nhân gian "dĩ phật hô tri", văn thư "ngang trời dọc đất". Ấy tổ tiên từ xưa là vậy đấy ! Con cháu ngày nay suy nghĩ gì ?

600 năm qua ông cha ta đã vượt qua bao nhiêu sóng gió, kiên trì bền bỉ phấn đấu làm nên sự nghiệp huy hoàng. Từ hạt gạo, hạt ngô, hạt thóc để lại cho chúng ta những tài sản tinh thần vô giá, tiếng thơm muôn thuở.

Cụ Cẩn xưa có viết : "... Các vị tổ tiên xưa cũng chăm làm lắm đấy..." Tổ tiên đặt nhiều hy vọng vào các thế hệ noi theo. Nay lớp con cháu phải gắng thật nhiều để xứng đáng với cội nguồn dòng họ. Ngõ hầu tiếp thu, phát huy lòng ham học, khai hoa kết quả lớn hơn nữa để thoả vọng linh của các bậc tiền bối."

Bài soạn
NGUYỄN TRUNG ĐƯƠNG

*

* *

Trong các Gia phả thường ghi về đạo đức, công lao, sự nghiệp của các vị tiền thân. Song trong dòng họ có lúc, có những con người suy thoái về

mặt đạo đức, bất hạnh trong cuộc đời hoặc có những hành vi phản bội lại Tổ quốc, trong Gia phả vẫn ghi chép sơ lược để lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho thế hệ sau.

Trong bài tựa của Gia phả họ Nguyễn ở Tây Dam ghi : *"Trong tộc ta có hiện tượng tranh đoan đoạt đích, vô lễ trong gia đình nên đến nay bị suy sụp, không còn hanh thông thịnh vượng nữa, phải tránh đến núi Bảo Ông đầu Phật cầu phúc giáng, sau đó ông lấy bà Phúc Hoa sinh được Nguyễn Hữu Lượng. Ông Lượng ở quê bà Phúc Hoa, không tài cán gì hơn người. Ông Lượng lấy vợ người ở Tây Dam sinh được Nguyễn Hữu Đoài, ông Đoài sống một mình, làm lụng không ra gì. Đến năm Canh Tuất ông bị chết, mất một chi phái. Đây là một chi đại quý. Từ Nghiêm Quận công đến Hữu Đoài được 7 đời vinh hoa phú quý, nay đâu mất cả mà chỉ còn lạnh lẽo khói hương không ai biết đến, ruộng dân đã biến thành biển lớn. Chao ôi ! Thật là thương thay ! Hết bị rồi lại thái, gia tộc đã tích được nền thiện nên phúc trạch để cho muôn đời. May đội ơn phúc âm tổ tiên còn dài lâu nên con cháu nay vẫn còn, dây dưa còn kéo dài mãi, mới hưng thịnh trở lại chưa lớn lắm, những người trong họ ta hãy phải cố gắng lên, làm nhiều việc thiện chớ có chây lười. Việc tích âm đức thì*

hoàng thiên sẽ biết đến. Tích thiện công đức càng nhiều thì phúc càng lớn".

*

* *

Có những Gia phả thực chất chỉ là tập tư liệu của dòng họ, chủ yếu là những bài phả ký về việc nào đó của từng người trong họ, những bao "phong sắc" của những người có công với nước, những phong tục của dòng họ... Vì thế trong bài tựa của cuốn Gia phả này đã giới thiệu một số đời quan trọng.

Bài tựa Gia phả họ Đỗ xã Đông Ngạc, phủ Quốc Uy, tỉnh Sơn Tây (nay là Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội) đã ghi : *"Đến đời cụ tổ thứ 5 làm quan Trung thư Giám hoa văn học sinh. Sau phong tặng Đô đốc kiêm Hoàng hầu.*

Cụ tổ đời thứ 6 làm quan Tổng trị phủ Gia Hưng. Sau phong tặng Đô đốc Thái phó tư Quận công. Hai cụ này làm quan đến triều Lê, họ ta đã gây nên một nền thế tộc. Khi bấy giờ cụ phủ ta cùng cụ Tri châu họ Phạm mời quan tham Quốc tế làng cổ đô là một ông địa lý chính tông để xem đất, ngài có 2 ngôi đất. Một ngôi ở xứ Tiên Vương và một ngôi ở xứ Gò Vôi. Hai cụ nhường nhau chẳng ai chịu nhận tước. Sau quan

Quốc tế mới đoán định cho họ ta ngôi đất ở xứ Tiên Vương, cụ phủ ta rước cụ sư tổ táng ở đấy. Quả nhiên đắc địa sinh nhân cụ tổ đời thứ 7 là con cụ phủ ta mới 24 tuổi đã đỗ Cử nhân, làm quan đến Cửu phẩm.

Cụ đời thứ 8 là con cả cụ Vương Thú Văn đỗ Cử nhân, thi võ đỗ đạo sĩ, văn võ kiêm toàn, làm quan Trấn phủ.

Lúc bấy giờ có một ông quan thấy cụ Vương quyền cao chức trọng đem lòng ghen tức ngầm hại họ Đỗ ta. Ông quan đó dâng sớ lên triều đình xin khai một con ngòi ở đồng làng Nhật Tảo, chính trước mặt mộ họ ta đến đồng làng Thượng Thụy... Từ bấy giờ Vương khí kém đi, mãi đến đời thứ 10 mới được 8 cụ làm Cửu phẩm thư lại và một người đỗ Tú tài. Nhưng dẫu thế nếu con cháu sau này mà biết nghĩ đến Tổ tiên và bậc vương hầu mà có chí làm nên thì cũng không thẹn gì ở khoảng trời đất này vậy.

*

* *

Những họ phát sinh, phát triển ở một vùng vào khoảng trên dưới 20 đời thì việc lập Gia phả còn dễ dàng. Có những dòng họ có nguồn gốc quá

xa xưa và ở nhiều nơi trên đất nước như họ Hồ ở Nghệ An, họ Phạm ở Hà Tĩnh, họ Doãn ở Thanh Hoá... Muốn có đầy đủ lịch sử dòng họ phải xây dựng "hợp phả" là cuốn Gia phả của nhiều chi, ngành trong họ tập hợp nhau lại. Máy lời về việc viết hợp phả họ Doãn sẽ giúp chúng ta biết được công trình sưu tập lịch sử dòng họ ấy:

"Từ trước đến nay chúng ta chỉ biết được cảnh họ Doãn ở An Duyên, Thường Tín do cụ tổ từ Doãn Xá (Thanh Hoá) dời đến từ cuối đời Trần và đến nhà hậu Lê sinh ra được hai anh em cụ Doãn Hoàng Tuấn và Thân Không. Cụ Doãn Hoàng Tuấn không có con, Cụ Thân Không sinh ra cụ Doãn Mậu Khôi. Cụ Mậu Khôi sinh được 7 người con trai và một người con gái. Từ đó cảnh họ Doãn ở An Duyên phát triển dần lên và theo các con đi đi các nơi sinh sống.

Còn cảnh họ Doãn ở Doãn Xá và ở các vùng từ Thanh Hoá trở vào, do thế sự thăng trầm, chiến tranh liên miên, triều đại thay đổi, do thiên tai liên tiếp gây cảnh lầm than đói khổ. Hơn nữa do đường sá xa xôi, đi lại khó khăn nên cũng không có được mối quan hệ với cảnh họ ở An Duyên và các nơi khác ngoài Bắc. Do đó quan hệ tông tộc bị gián đoạn và cảnh họ ngoài này cũng không tìm được về cuội nguồn ở Thanh Hoá. Mặt khác,

ngay từ lúc sinh thời, nhiều cụ họ Doãn mọi nơi học hành, thi cử đỗ đạt dôi ra làm quan qua các triều có biết nhau nhưng vì công việc quốc gia, vì binh hoả, loạn lạc luôn xảy ra... nên các cụ xa xưa cũng không có điều kiện tâm tình trao đổi về tông tộc, huyết thống. Do đó mà nơi không có phả cũng không tìm được đến nơi có phả để tìm hiểu, sao chép, nhận họ, và nơi có phả cũng không nghĩ đến việc gặp gỡ các chi họ Doãn nơi khác để chấp nối quan hệ với nhau.

Trước đây cảnh họ ở ngoài Bắc này nhờ có cuốn Gia phả viết năm 1784 để lại đã cố gắng liên lạc, chấp nối các chi với nhau, nhưng cũng do binh hoả luôn luôn xảy ra nên ngay con cháu của 7 người con cụ Mậu Khôi từ An Duyên đi đi các nơi cũng không có được mối quan hệ mật thiết, không có được sự liên lạc thường xuyên nên cũng chưa tập hợp được đầy đủ. Phải đến sau cuộc họp các chi ở Đình Cao, Hưng Yên năm Tân Hợi (1911) bàn việc thu tộc mối quan hệ tông tộc mới được tăng cường và cũng từ đó các chi họ lại thường xuyên về họp, lúc ở An Duyên (Thường Tín) khi ở phố Huế (Hà Nội). Từ chiến tranh thế giới thứ hai, qua các cuộc kháng chiến cứu nước, hơn nửa thế kỷ riêng cảnh họ An Duyên cũng không gặp được nhau, nhiều khi không biết đến nhau.

Từ năm Canh Thân (1980) do nhiệt tình của các chi họ nên cảnh họ Doãn ở An Duyên đã gặp gỡ nhau tiến tới xây dựng nhà thờ tổ trên đất này, tạo điều kiện cho con cháu mọi nơi về dâng hương lễ tổ. Tiến đến việc thành lập được liên chi họ Doãn ở Hà Nội (1982) và việc biên soạn được cuốn "Hợp phả họ Doãn" năm 1989 (riêng về cảnh An Duyên). Từ đó dòng liên lạc huyết thống họ Doãn ngày càng được phát triển từ Hà Nội đi khắp đất nước. Các chi ở Hà Đông, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Sơn Tây, Phú Lý, Hữu Bị Trường Yên, Hoành Lộ, Hoành Nhị, Hoành Nha, Bình Lục (Hà Nam), Song Lăng (Thái Bình)... đã hàng năm về An Duyên thanh minh bái tổ. Những chi họ ở xa không về được cũng gửi thư về nhận họ, thăm hỏi tình hình như ở Quảng Nam, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Sài Gòn... Vài năm gần đây có thêm chi họ ở Sơn Đông là đồng dôi cụ Doãn Nỗ cũng biết tin về bái tổ ở An Duyên.

Qua những lần gặp gỡ ở nhà thờ tổ, cảnh họ An Duyên năm 1987 có chi họ nêu vấn đề biên soạn lại cuốn hợp phả họ nhà. Từ đó liên chi họ Doãn ở Hà Nội đã họp bàn tập hợp tư liệu, chuẩn bị cho việc soạn lại cuốn "Hợp phả". Rất vui mừng là từ đầu xuân Canh Ngọ (1990), trong tiết thanh minh tại An Duyên có đại biểu họ Doãn ở Cổ Định

(*Nông Công, Thanh Hoá*) cũng tới dự và cho biết: Theo phả hệ của chi này, gốc họ Doãn chính ở Cổ Định từ thời vua Hùng. Việc họ ta tìm thấy cội nguồn lại càng thôi thúc liên chi ở Hà Nội soạn gấp cuốn "Hợp phả họ Doãn" để đáp ứng yêu cầu và sự mong đợi của các chi toàn họ ở khắp nơi.

Tóm lại họ Doãn ta tuy họ nhỏ nhưng cũng đã tồn tại khoảng trên 200 năm và đã cùng họ khác trong nước luôn luôn xây dựng bảo vệ quê hương đất nước.

Họ ta đã góp phần bảo vệ và phát triển nòi giống trước những âm mưu xâm lược, đô hộ, đồng hoá hòng tiêu diệt nước Việt Nam của mọi thế lực bành trướng tàn bạo dã man. Vì lẽ đó, tổ tiên ta đã không ngừng đấu tranh với thiên nhiên, đoàn kết xóm làng, phát huy thuần phong mỹ tục quê hương.

Viết hợp phả lần này, được đọc lại phả cũ của nhiều chi họ do tổ tiên để lại, thấy được những công tích, hành trạng và đạo đức của các cụ. Chúng tôi vô cùng xúc động trước những tấm gương sáng chói của tổ tiên và ước mong rằng các thế hệ từ nay về sau mãi mãi tự hào về dòng họ mà ra sức học tập, tu dưỡng để phát huy không ngừng những điều hay, điều tốt mà tổ tiên qua nhiều

thế hệ đã tạo cho chúng ta. Mong rằng cuốn Gia phả sẽ giúp anh em con cháu các chi họ nghiên cứu để thấy được công lao của cha ông mà giáo dục con cháu phát huy truyền thống quý báu của dòng họ.

Mùa xuân Nhâm Thân 1992
Nhóm biên soạn hợp phả họ Doãn

2. NGUỒN GỐC DÒNG HỌ

Đây là vấn đề cốt lõi nhất của cuốn Gia phả. Con cháu đọc Gia phả thì điều đầu tiên phải tìm đến nguồn gốc họ mình. Tức là tìm xem tổ tiên mình từ đâu đến ? Đến tự bao giờ ? Lý do chuyển đến ? Thân thế, sự nghiệp cụ Thủy tổ thế nào?

Có thể có những giai thoại, truyền thuyết về cụ Thủy tổ. Nhưng dù đó là giai thoại, truyền thuyết thì cũng nói lên cái đức, cái chí khởi đầu của một dòng họ.

Có những Gia phả thì nguồn gốc dòng họ hay quá trình phát triển dòng họ được ghi thành mục riêng, chi tiết hơn. Nhưng có những cuốn Gia phả thì lồng nguồn gốc vào *Lời tựa* hay *Lời nói đầu* cuốn Gia phả. Nguồn gốc họ Nguyễn Bá, danh nhân Nguyễn Bá Lân đã được viết lồng vào lời tựa của cụ như sau:

"Họ Nguyễn ta vốn quê ở thôn Ngoại, xã Hoài Bào, huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc nay là Bắc Ninh vốn dòng dõi là thi thư. Chỉ ta cũng dõi theo sự nghiệp nho tới 12 đời, thế thứ kéo dài đến vài trăm năm. Từ cụ Tiên Linh gặp buổi binh đao, đến đất Sơn Tây dạy học ở xã An Đô, thuộc huyện Tiên Phong, lâu ngày cư trú ở đây. Cụ mới dẫn cụ Tiên Sinh nhập đình và xin ứng thi ở đây. Sau đó cụ biến thành dân ở đây. Cụ Tiên Cảnh nối chỉ cha dạy học và cụ bà quê ở đây sinh được 7 người con, chỉ cho con trai trưởng là Tiên Phái, tên tự là Đăng Triều trở về quê nội, ngoài ra các con khác phải ở lại bên cụ. Cụ làm nhà giữa xóm làm cho gió vững, cành dài, từ đó dựng thành phái riêng. Từ khi thân phụ còn đang dạy học thì trưởng tộc thuộc cụ Đăng Triều là đích tôn.

Cụ Công Khải không có con nối thì em là Đặng Hiên sinh được 2 người trai không được nối dõi tông đường. Mới chuyển việc con trưởng sang bản tông (nhà ta).

*

* *

Những họ có nguồn gốc từ nước ngoài sang Việt Nam qua quá trình chung sống lâu dài với

người Việt họ đã bị "Việt hoá" thành dòng họ Việt Nam nên nguồn gốc xa xưa ở nước ngoài không cần ghi lại nữa.

Ví dụ, như nguồn gốc họ Nguyễn Tây Đàm "Cụ tổ là Giác Đình tiên sinh, người nước Minh phương Bắc. Vì đi buôn bán nên đã đến nước Nam lấy vợ ở xã Ông Mặc (nay đổi là Hương Mặc), huyện Đông Ngân, xứ Kinh Bắc (nay là Bắc Ninh) và gây dựng cơ nghiệp ở đây. Cụ tổ đời 2 là Chúng Nhân tiên sinh. Lúc đầu dời đến huyện Từ Liêm, xứ Sơn Tây và gây dựng nơi đây thành hương quán, con cháu sum vầy. Cụ sinh được ba người con trai, con trưởng là Trung Tín, con thứ hai là Lạc Đạo, con út là Văn Lý. Ông Văn Lý lại lập cư ở Ông Mặc, con cháu đều hiển vinh".

*

* *

Những giai thoại về nguồn gốc dòng họ.

Nguồn gốc dòng họ thường được gắn với những giai thoại về mồ mả đất cát. Mồ mả phát tích, con cháu hiển vinh, điều đó cũng nói lên rằng tổ tiên ta làm những điều ân nghĩa, được đất trời trả lại ân nghĩa, không cần đòi hỏi người chịu ân phải trả ân. Đó là đạo lý vốn có của dân tộc.

Nguồn gốc họ Nguyễn Công làng Nguyễn ở Thái Bình được ghi lại như sau :

"Nguyễn Công Phúc Cảnh sinh năm Nhâm Tuất 1522 bẩm sinh có vóc dáng hơn người, tiếng nói to vang, xa gần ai cũng biết. Cụ cùng dân xã trong làng tiếp tục khai phá vùng đất mới góp phần củng cố hương ấp hạ trại. Cụ tính tình cương trực, sống có ân có nghĩa với xóm làng, được tôn "trùm thần". Cụ mất năm 1680, có giai thoại như sau: "Cụ một hôm đi thăm ruộng buổi chiều gặp mưa, vào chùa ẩn. Đến tối nhà không thấy trở về, con cháu đi tìm. Khi vào chùa thấy ở gian giữa có đóng mối xông lên thành gò mộ, chỉ thấy hờ hai bàn chân. Nhân thế đắp làm mộ".

Từ đây dòng họ Nguyễn Công bước vào thời kỳ phát triển.

Nguồn gốc họ Bùi xã Định Công, tỉnh Thanh Hoá tương truyền rằng :

"Thượng tổ trước Cung Quận công, hiệu Trung Phác. Cụ Cung Quận công khởi nghiệp bằng nghề nông, lấy nông nghiệp để dựng nghiệp và rất hiếu học, thích bố thí.

Bấy giờ có người nhà Đường cảm mạo sắp chết, cụ bèn đưa về nhà nuôi dưỡng. Sau 5 năm người ấy cáo ra về mà rằng : "Tôi mang ơn sâu nặng này mãi mãi và xin báo đền một ngôi đất tốt".

bền di mộ cha cụ Chí Đức Phủ Quân tới xứ Ngõ Gôi bản thôn. Về sau nơi này thành mộ tổ phát tích của họ Bùi. Người ấy còn dặn thêm là di cư họ sang thôn Bùi Đông, xã Tĩnh Liệt huyện này (nay là xã Thịnh Liệt, Bùi Đông). Vào cuối đời Hồ dân thôn lưu tán, ở Bùi Đông lúc này chỉ còn lại một nhà họ Cao. Cung Quận công cũng di cư và có nhiều người đi theo cụ, rồi thành thôn ấp. Về sau có con quý hiển được phong tằng : Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, lại có trung nghĩa quý hiển được phong Tả thị lang. Cung Quận công thuở nhỏ đeo sách đi bừa, dùng túi đom đóm học bài, đậu Tiến sĩ khoa Mậu Tuất, năm Lê Hồng Đức thứ 9 (1478) làm quan đến Binh Bộ Thượng thư (cai quản 6 bộ). Đây chính là vị tổ phát tích của họ Đại Bùi ở ấp ta vậy".

3. MẢNH ĐẤT XƯA VÀ NAY DÒNG HỌ ĐÃ SINH SỐNG

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, con người và gia đình Việt Nam gắn bó chặt chẽ với vận mệnh của Tổ quốc. Khi Tổ quốc chưa độc lập, quê hương chưa giải phóng thì gia đình không thể sống hạnh phúc. Quê hương trù phú, cảnh vật hữu tình thì gia đình ấm cúng thuận hoà. Vì vậy viết

Gia phả không thể chỉ viết đơn thuần về phả hệ mà phải viết thêm về những con người, cảnh vật gắn bó với họ. Đó là làng xóm, quê hương nơi họ sinh sống.

Trong Gia phả, muốn để con cháu hiểu về tổ tiên ông bà mình một cách khoa học, khách quan thì phải viết về mảnh đất xưa và nay họ đã sinh sống bao gồm những cảnh vật, đình chùa, đường sá, sông ngòi, cây cổ thụ... Tất cả những vật vô tri vô giác đó nó đã tiềm ẩn biết bao công lao trí tuệ, nói lên những khát vọng, tấm lòng của biết bao thế hệ.

Về quê hương phải viết cho được những nét đặc trưng về văn hoá làng quê như phong tục, tập quán, nếp sống, truyền thống giúp cho con cháu hiểu biết sâu về thế hệ trước, các bậc tiền nhân phải được kính trọng, phụng thờ.

*

* *

Để bạn đọc có tư liệu tham khảo, chúng tôi xin trích một đoạn viết về mảnh đất xưa và nay trong một cuốn Gia phả.

Gia phả họ Dương, làng Lạt Sơn (phần nói về làng Lạt Sơn quê hương mới của họ Dương viết:

"Làng Lạt Sơn nằm trên khu đất tam giác, phía Tây là dãy núi vôi, phía Đông Nam là dòng sông Đáy từ địa phận tỉnh Hà Đông chảy qua Ninh Bình, Nam Định ra biển.

Khu đất tam giác này bao quanh bởi một con đường rải đá nối Phủ Lý với Chi Lê chạy dọc theo hữu ngạn sông Đáy và con đường thông vào hàng tổng men theo dãy núi vôi nối liền làng Thịnh Châu với Quyển Sơn, qua sông Đáy tới Quế Lâm (huyện lỵ Kim Bảng).

Làng Lạt Sơn ở về phía Tây Phủ Lý, hướng Bắc là sở kiện và phía Nam là huyện lỵ Kim Bảng.

Theo đường chim bay thì Lạt Sơn cách tỉnh lỵ Phủ Lý 3.000m, cách Kẻ Sở 3.500m, và cách huyện lỵ Kim Bảng 3.600m.

Làng Lạt Sơn nằm trên khoảng con đường thông hàng tổng. Dân cư ở tụ hai bên đường chạy dài gần 1.000m, khoảng rộng nhất của chiều ngang chừng 300m hình như một chiếc thuyền.

- Tại gò phía Đông cất ngôi đền làng nhìn về hướng Đông.

- Tại gò phía Tây cất ngôi chùa làng nhìn về hướng Nam.

Làng Lạt Sơn ở vào vùng trũng nhất của khu đất tam giác nên nước mưa ở những cánh đồng

và đôi núi phía Tây đều tụ chảy vào con sông Đáy khu làng Võ Giàng.

Dân số làng Lát Sơn vào năm 1945 ước độ 2.000 người. Dân cư đầu làng và cuối làng đều nghèo túng. Khu giữa trù phú nhà ngói san sát, có nhà hào phú dinh cơ 5 đến 7 dãy, cho đến chuồng tiêu, chuồng lợn cũng lợp ngói.

Làng chỉ có một trường học duy nhất dạy từ lớp 5 đến lớp 3 thi sơ học. Trường sở là một căn nhà ngói ba gian dựng trên gò đất giữa làng, tục gọi là gốc đề chứa được 50 học sinh.

Người làng học hành thành đạt cũng có nhưng không đến bậc đại học, số người học giỏi nhưng thi cử lận đận cũng nhiều. Mấy năm gần đây việc học hành có sắc thái phong quang hơn trước. Nói chung, dân Lát Sơn hiền hậu, khảng khái, có óc phù suy, ham lễ bái, trọng lễ phép, an phận thủ thường, giàu không ham, nghèo không giận, trên kính dưới nhường, thương yêu lẫn nhau, tình cốt nhục hương đảng thấm thiết.

*

* *

Gia phả họ Nguyễn, làng Thượng Cốc, Hải Dương. (Phần nói về làng Thượng Cốc, đất mới họ Nguyễn) viết :

"Làng Thượng Cốc quê hương chúng ta có từ bao giờ và ai là người đầu tiên đứng ra lập thành làng thì không một ai biết rõ. Theo Ngọc Phả thì làng ta lúc mới đầu chỉ là một vài chòm xóm thưa thớt do một nhóm người ở các nơi rủ nhau đến quy tụ ở đó để khẩn hoang sinh sống, sau dân số tăng dần mãi nên mới thành làng. Trước đó chỉ là rừng bãi hoang vu người ở rất ít. Các vị cao niên trong làng kể lại là làng ta buổi đầu chỉ lơ thơ có ba xóm nhỏ, sau đó dần tụ tập những xóm ấy biến thành thôn. Trong Ngọc Phả có nói đến khu Thượng, khu Trung, khu Hạ tức là ba xóm cải thành thôn Bình Đề (thôn Cả), Cao Lý (thôn Tiến) và Gia Bùi (thôn Bùi). Các bô lão nói: ba thôn đều là người thiên hạ từ các vùng Thái Bình, Hưng Yên... kéo đến đây thấy đất đai màu mỡ, địa hình tốt đẹp mới lập ấp khai khẩn.

Làng Thượng Cốc nằm sau lưng huyện Gia Lộc. Một con đường đất dài gần 2 km chạy thẳng từ làng lên huyện, hai bên trồng xoan từ đầu làng lên tới "mả con nhạn". Năm 1947, khi Pháp chiếm huyện Gia Lộc thì làng Phương Điền tục gọi là làng Giỡ, quê hương của cử nhân Bùi Khắc Thực bị triệt hạ, biến làng này thành một pháo đài kiên cố đứng án ngữ con đường hàng tỉnh cây số 17 để kiểm soát cả một vùng rộng lớn Gia Lộc, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Ninh Giang.

Làng có đình chùa, miếu mạo, có chợ, trường học, nhà hội đồng. Đầu trường học dựng tấm bia ghi chép các việc công ích như làm nhà hội đồng, xây trường học, dựng chợ... Giếng làng toàn là giếng xây, thôn Bình Đề có giếng Ông ở Đồng Bến và giếng Cầu nơi Cổng Cầu ở cuối làng. Giếng xây lát tiểu sành, quanh giếng xây tường trụ.

Nhìn toàn cảnh làng Cốc đẹp nhất là khu Đồng Bến giáp cánh đồng Mai. Nơi đây có miếu Bà Cô nằm dưới gốc đa cổ thụ, có lăng cụ Án Nguyễn và lăng cụ Tuấn Cốc xây theo lối cổ, voi đá tượng đá đứng chầu hai bên nom không kém vẻ trang nghiêm cổ kính.

Văn chỉ làng ở sát bên trường học xây theo lối cổ thờ đức Khổng Tử. Văn chỉ trông ra ao soi, có tường bao quanh. Từ văn chỉ đi quá vài ba chục thước thì đến chợ. Chợ Cốc kiến trúc khá đẹp, chợ chỉ họp những ngày phiên mồng 5 và mồng 10.

Trong ba thôn đất thì thôn Bình Đề đẹp hơn cả. Đình nằm giữa làng, kháng chiến toàn quốc bùng nổ 1946 đình Bình Đề bị Tây đốt cháy trụi còn trơ lại nền.

Làng Thượng Cốc nổi danh là đất văn học. Khi xưa làng phát tới 5 vị Tiến sĩ : Nguyễn Duy Minh (1702), Nguyễn Địch Giáo (1529), Nguyễn Trọng Hổ (1508), Nguyễn Khắc Bùi (1505) và Nguyễn

Quý Tân (1842). Họ Nguyễn một chi có ba vị cử nhân, ba vị tú tài, các họ khác cũng có nhiều vị khoa cử thời cự học. Thời tân học, có nhiều bác sĩ, kỹ sư, giáo học luôn có chí tiến thủ, đi ra ngoài không kém thua thiên hạ.

Làng Cốc không những phát về văn học mà còn là quê hương có truyền thống cách mạng".

*

* *

Làng Trình Phố, Thái Bình (trích Gia phả họ Bùi Viên):

"Lúc mới thành lập, làng ta gọi là Trình Phả, cổ thời hoang vu, bãi bồi bát ngát, toàn sú vẹt mọc xanh um. Dần dần mới thấy có dân ra canh tác. Số mái nhà chỉ loáng thoáng ít nhiều. Cùng lúc này các họ dồn dập kéo tới cắm mốc làm nhà, khai khẩn đất đai.

Chính họ Trần gốc Thanh Hóa và họ Bùi ta đất Giao Thủy cũng di cư ra Trình Phố. Còn làng Diêm Điền phía dưới làng nhà thời Pháp mới đổi là Thư Điền bởi có trùng tên với làng Diêm Điền huyện Thụy Anh. Hai làng Diêm Điền một ở Trần Hải, một ở Thụy Anh cách nhau hơn 10 km.

Căn cứ vào câu "Trình Phả có mã làm quan" chứng tỏ quê nhà từ xưa vẫn đứng vào hạng các làng có nền văn học đáng kể của đất Thái Bình. Vào thời khoa bảng có ông Đỗ Hoàng Giáp, còn cử nhân tú tài cũng không ít. Lấy lòng là thời ông Quận Kiều ông Bùi Viên họ ta, tên làng nhà không lạ gì với dân đất Bắc. Thời Đảng Cộng sản Đông Dương hoạt động chống Pháp khoảng năm 1933, dân làng Trình Phổ có tới 50 người bị án liên can với Đảng bị thực dân Pháp quản thúc tại làng, ghi vào sổ đen luôn bị mật thám dò xét. Có thể nói, làng nhà mật nào cũng có, hay cũng lắm, dở cũng nhiều, đặc biệt phe bình dân không hiền lành nhả nhận như các làng khác mà số đông còn lý sự bướng bỉnh vô cùng.

Làng Trình Phổ thuộc tổng Yên Bồi, phủ Kiến Xương tuy ở xa tỉnh nhưng sự đi lại thuận tiện. Con đường hàng tỉnh 39 nối liền từ thị xã tới Tiền Hải dài 22 km đi qua địa hạt làng nhà từ cây số 17 đến cây số 19. Đường này rải nhựa, xe cộ đi lại tấp nập, có xe ô tô chở khách chạy xuôi ngược gặp nhau liên liên.

Trình Phổ cũng kể vào bậc làng to của tỉnh Thái Bình, số dân đình thời Pháp lên tới 1.500. Lời phát âm của Trình Phổ rất khó nghe. Họ đều biến các dấu ngã (~) và dấu nặng (.) thành dấu

hỏi (?) cả. Ví dụ : dưa đọc thành đũa, mẹ thành mẽ, gọi thành gỏi...

Đặc điểm của thôn nhà về địa thế, cảnh vật có thể tượng trưng cho làng cổ ở miền Bắc. Du khách đặt chân tới thăm, lúc ra về đều luyến tiếc. Làng ta có mốc đá, có cây đa đánh dấu nơi gianh giới đầu làng. Nơi đây có sông uốn khúc, gò miếu xanh tươi, có đình lớn bề thế, văn chỉ tôn nghiêm, có cảnh chùa cổ kính tĩnh mịch. Tới thời cải lương, làng có nhà hội đông, có trường tiểu học đủ các lớp rộng rãi phong quang, dân làng có kho thóc bê tông, có nhà kiểu biệt thự. Đặc biệt ở ta còn có 2 cái chợ là chợ Đình và chợ Giầy.

Năm 1950, chiến sự Việt Pháp lan tràn tới Thái Bình, đồn binh Pháp cùng quận lý được thiết lập ở làng nên lệnh "tiêu thổ" của Chính phủ Việt Minh được ban hành để kháng chiến chống Pháp. Trình Phố là nơi trọng tâm vùng chiến địa, đồn Tây bị quân du kích tiêu diệt và quận lý bị san bằng. Cảnh làng lúc ấy thật tiêu điều, ảm đạm, theo các người chứng kiến kể lại thì người đứng đầu làng nhìn thông suốt đến cuối làng, nhà cửa, cây cối đều bị phá hủy đốt cháy tan hoang.

Giờ đây dấu rường cảnh cũ người xưa không còn nhưng mọi tục lệ chi tiết cho đến cảnh sắc của thôn làng, dụng ý kể lại như trên là để cho

những người đã sống tại quê hương gọi lại ít nhiều kỷ niệm xa xưa thấm thía hòng ấp ủ trong lòng, và để thế hệ non trẻ chưa hề biết đến quê nhà cũng hình dung được phần nào nơi chôn rau cắt rốn của ông cha để vọng về đất tổ".

4. PHẢ HỆ

Một dòng họ gồm nhiều người, nhiều thế hệ (mỗi thế hệ là một đời). Bởi vậy người chép Gia phả phải biết sắp xếp thứ tự từ cao xuống thấp. Từ cụ Thủy tổ xuống lần lượt theo thế thứ tất cả các ngành trong họ cho đến đời dưới chót. Ví dụ: Các đời lấy cụ Thủy tổ làm đời một. Cụ sinh được ba con A, B, C thì các ông A, B, C là đời thứ hai, con cái ông A, B, C là đời thứ ba, cháu của các ông A, B, C là đời thứ tư.

Đời thứ hai ghi theo thứ tự A, B, C (trái sang phải). Đời thứ ba ghi thứ tự từ lớn đến nhỏ hết con ông A, đến con ông B, con ông C.

Đời thứ tư ghi theo thứ tự từ lớn đến nhỏ hết cháu ông A, đến cháu ông B, cháu ông C.

Tuỳ vai trò của mỗi người trong gia đình, dòng họ mà ghi sơ sài hoặc chi tiết nhằm mục đích giáo dục cho đời sau giữ được nề nếp, gia phong

trong gia đình, biết ơn đến những người có công đóng góp cho dòng họ, dân tộc...

Về phần từng người ghi rõ :

- Tên, ngày sinh, ngày tử.
- Mộ mã, lăng bia.
- Vợ con.
- Chúc tước phẩm hàm, công đức đối với xã hội.
- Di ngôn, giáo huấn (lời dặn dò trăng trối).
- Những biểu hiện trong phút lâm chung và tình hình tang lễ.
- Những ghi nhận về cá tính, đời sống, phẩm hạnh.

Đối với những người bình thường chỉ cần ghi tóm tắt lý lịch : tên, ngày sinh, ngày mất, mộ mã, chúc vạ, vợ con.

Về tên:

- Tên húy : Tên của cha mẹ đặt cho, cũng gọi là tên bộ tức là tên ghi trong sổ bộ hộ tịch, hay tên tục.

- Tên hiệu : Là tên của những người theo ngành văn thơ tự đặt cho mình theo một ý nghĩa lựa chọn nào đó. Tên này ký dưới các bài văn, bài báo, sách vở, còn gọi là bút hiệu.

- Tên tự : Tên chữ, là tên do cha mẹ hay tự

bản thân đặt ra có xuất xứ từ tên húy hay do bản tính chí hướng để đặt ra.

- Tên thụy : Căn cứ vào tính tình, hành vi, chí khí lúc đang sống mà khi sắp chết còn mình mẫn thì tự đặt tên cho mình hoặc do con cháu đặt cho, dùng để khấn lúc cúng cơm.

Thông thường trong Gia phả mới viết ta chỉ ghi tên húy, tên hiệu để dễ hiểu, dễ nhớ.

Về vợ con:

Các Gia phả cũ thường ghi chính thất, á thất. Trong Gia phả mới nên ghi rõ : Vợ cả, vợ hai, vợ kế (khi vợ cả, vợ hai chết, người vợ thứ ba là vợ kế).

Con vợ cả ghi trước, con vợ hai ghi sau, theo thứ tự từ lớn đến nhỏ.

Chú ý : Vợ cả chết, người vợ thứ kế vị vợ cả vẫn giữ vai trò vợ cả.

*

* *

Xin trích dẫn phần hệ phả ghi trong Gia phả họ Nguyễn Công, đời thứ 5 cụ Nguyễn Công Doan để bạn đọc tham khảo:

Hồi còn nhỏ cụ tên là Vĩ, sinh ngày 17-7 năm Giáp Tuất, tức 6-9-1694, là con trưởng cụ Phú Khê Hầu. Sinh trưởng trong một gia đình nho học. Ngay từ còn nhỏ cụ đã được thân phụ kèm cặp, dạy bảo, từng được theo cha đi dự các buổi đàm đạo thế sự với các bậc văn hào... Năm 5 tuổi được gia đình cho theo học ông giám sinh Nguyễn Duy Cơ ở bản xã. Năm 9 tuổi lên theo học ông giám sinh Xuân Phương. Sau đó theo người anh con bác là Nguyễn Từ Liêm, học ông Nguyễn Xuân Huyền, sau lại học quan Điền bạ Nguyễn Công Thuyên người xã Phúc Khê. Năm 19 tuổi học ông Khắc Tuấn xã Thanh Lâm, huyện Lý Nhân. Khi ông Khắc Tuấn được bổ đi làm Tri huyện Hoàn Bồ, ông lại sang học ông Doan Lâm, huyện Thanh Khai, ông Doan Lâm là thầy giỏi, đương thời các ông trúng cử ở kinh thành phần nhiều là học trò của ông.

Năm Đinh Dậu cụ ra ứng thi, trúng Tam trường.

Năm Canh Tý đỗ thủ khoa phát giải thi hương.

Cụ qua thi hội không thành công song vẫn được triều đình giao cho chức Thị giảng văn chức ở ngoại trấn. Năm 1726 xung Đô đốc xứ Thanh Hoá.

Năm Canh Tuất 1730 cụ trở về bản quán chịu tang thân phụ 3 năm. Năm Quý Sửu 1733 cụ hồi

kinh nhậm chức Tri phủ Chương Đức. Năm 1739 cụ làm Thị giảng văn chức. Những ngày làm quan trong triều, bằng năng lực phẩm hạnh, đức độ của mình cụ đã cảm hoá được văn võ bá quan. Mọi người đều kính phục.

Đặc biệt dịp này cụ lại gặp được thầy cũ Doan Lâm. Thầy trò tâm đắc đàm đạo văn chương thế sự. Nhờ vậy năm 1740 cụ được phong tặng làm Thừa giảng vương đệ thất quan nghiêm Quận công.

Năm Nhâm Tuất 1742 cụ được phong Đại lý tư hàm Tự tư thừa tướng.

Sau sự biến kinh thành cụ phải về Phúc An, huyện An Khang tị nạn, tuyển mộ binh lính, lập ấp.

Khi tình hình yên ổn cụ lại được triệu hồi về kinh nhậm chức Tri phủ Trảng An (Kinh đô).

Năm Mậu Dần 1758 làm Tham chánh hầu tước Lạng Sơn gia hàm đại phu, xử tán tư thừa chánh sứ rồi Tri thừa chánh sứ ở Tuyên Quang và Lạng Sơn.

Năm Nhâm Ngọ 1762 làm Thừa chánh sứ nhưng tước Lạng Sơn tặng phong vũ huân tướng đô đốc phủ, đô đốc kiêm sự phúc đình hầu.

Cụ tạ thế ngày 28 - 6 - 1769 tại kinh thành Thăng Long, tang lễ được triều đình tổ chức rất long trọng.

Đời thứ 6 :

Cụ Nguyễn Tôn Chính (1720 - 1777)

Là con thứ ba cụ Phúc Đình Hẫu. Hồi nhỏ tên là Trình Thuyên. Vâng mệnh thân phụ cụ làm con nuôi phò mã Tướng công Đặng Đình Vinh ở An Khái Dương Hào, đổi tên là Đặng Đình Thụy.

Năm 16 tuổi Đình Thụy đã dự việc quân cơ, là người khoẻ mạnh, học giỏi, có mưu trí dũng song, được trại phong "Lê triều quan viên tử" thống lĩnh xứ Thuận Quảng, sau thắng Đô chỉ huy đồng trí tham đốc, sau thắng Hoài viễn Tướng quân. Thọ 58 tuổi, mất ngày 20-8 được vua ban tên chữ là Cẩm Khắc.

Cụ sinh được 10 con trai, trong đó có 5 người ngụ quê mẹ An Khái (nay là xã Bắc Sơn, huyện Kim Thi, Hải Hưng), 5 người về với tổ cô Nguyễn Thị Tần ở Quyển Sơn, Kim Bảng, Hà Nam.

5. PHẢ ĐỒ:

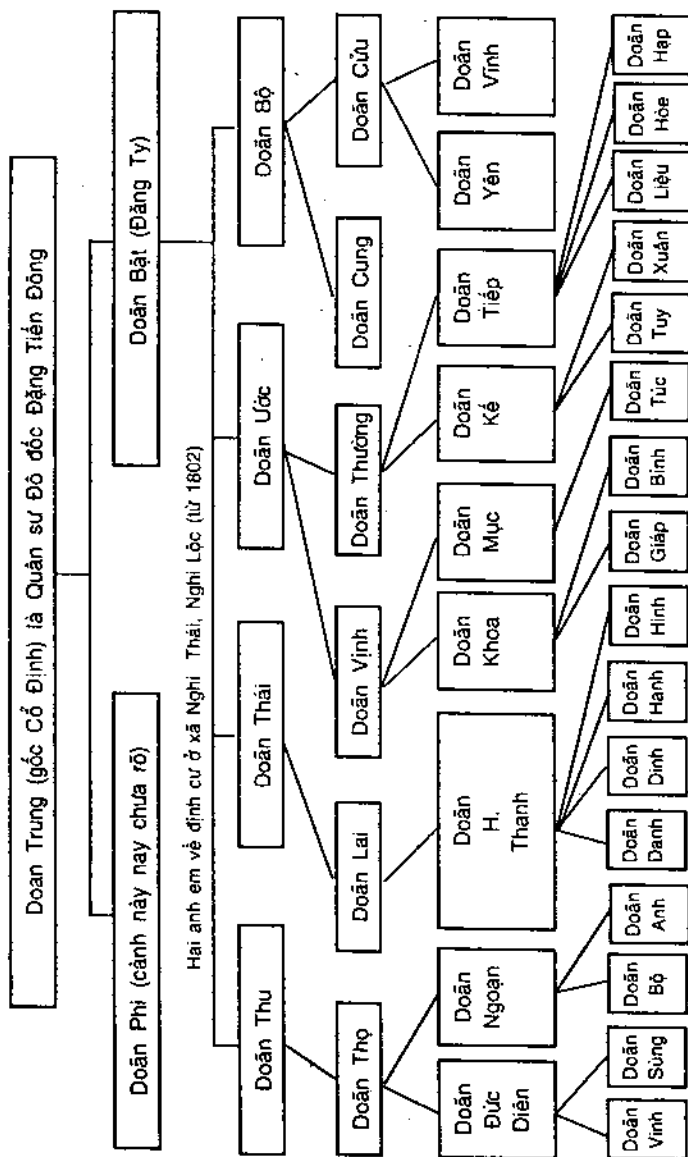
Mục đích việc vẽ phả đồ là để thể hiện rõ phần phả hệ. Nhìn phả đồ biết được trong gia đình, chi họ có bao nhiêu người, từng người thuộc đời thứ mấy ? Ai trên, ai dưới ?

Khi vẽ phả đồ chú ý mỗi đời riêng một hàng,

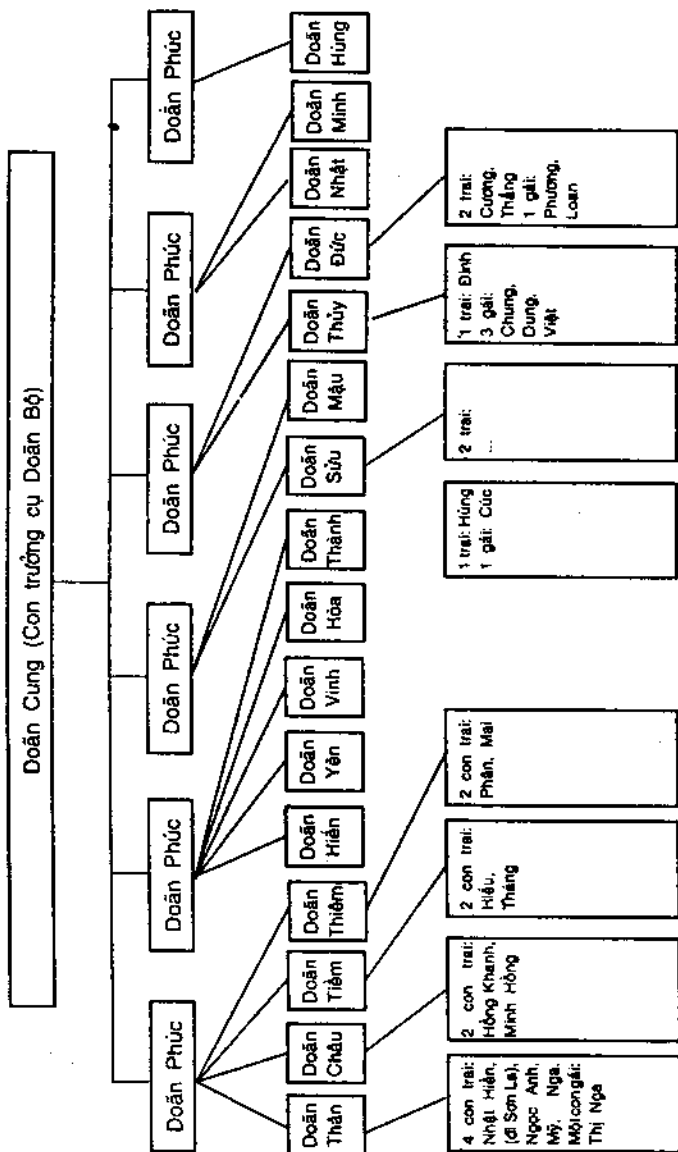
sắp xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới (đời trước trên, đời sau dưới). Trong một đời xếp theo thứ tự từ trái sang phải (anh bên trái, em bên phải). Mỗi người ghi trong một ô (chồng ghi trên, vợ ghi dưới). Nếu còn rộng có thể ghi thêm ngày sinh, ngày mất. Nói chung đây là Gia phả họ nội nên ghi nam giới là chính. Nữ giới giỏi giang cũng ghi như nam giới. Do hạn chế về khổ giấy nên không thể ghi cả họ mà phải tách ra từng chi, từng ngành.

Dưới đây xin giới thiệu phả đồ của các chi trong hợp phả họ Doãn, một phả đồ tượng trưng của gia đình 5 đời để các bạn tham khảo.

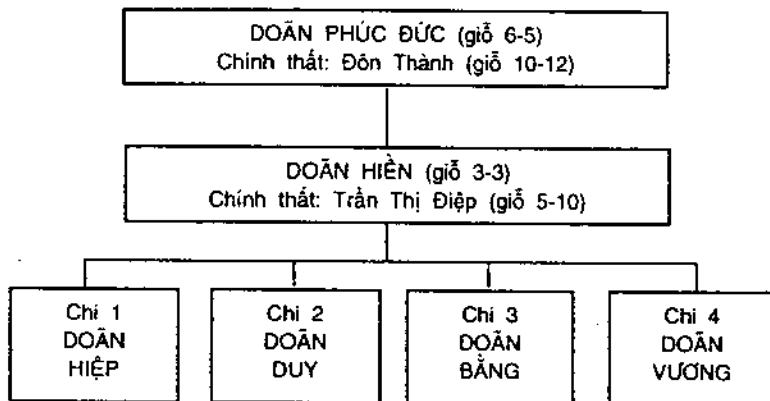
CHI NGHỊ THÁI, NGHỊ LỘC



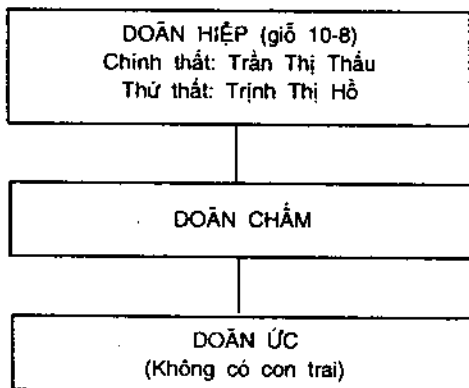
CÀNH CỤ ĐOẢN CUNG



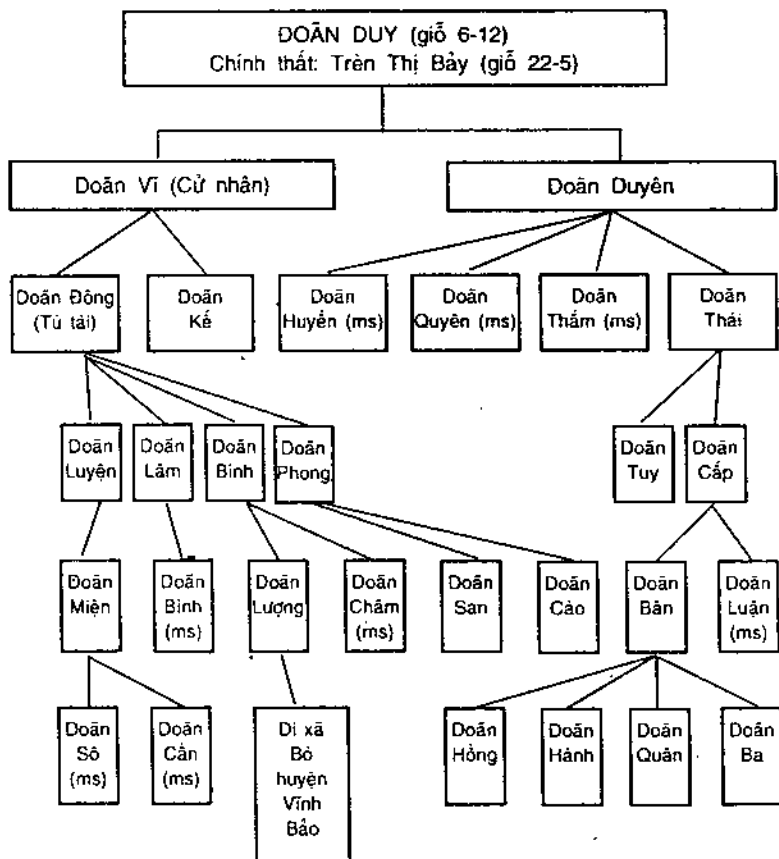
PHÁI THỨ BA



Chi thứ nhất thuộc phái thứ ba:

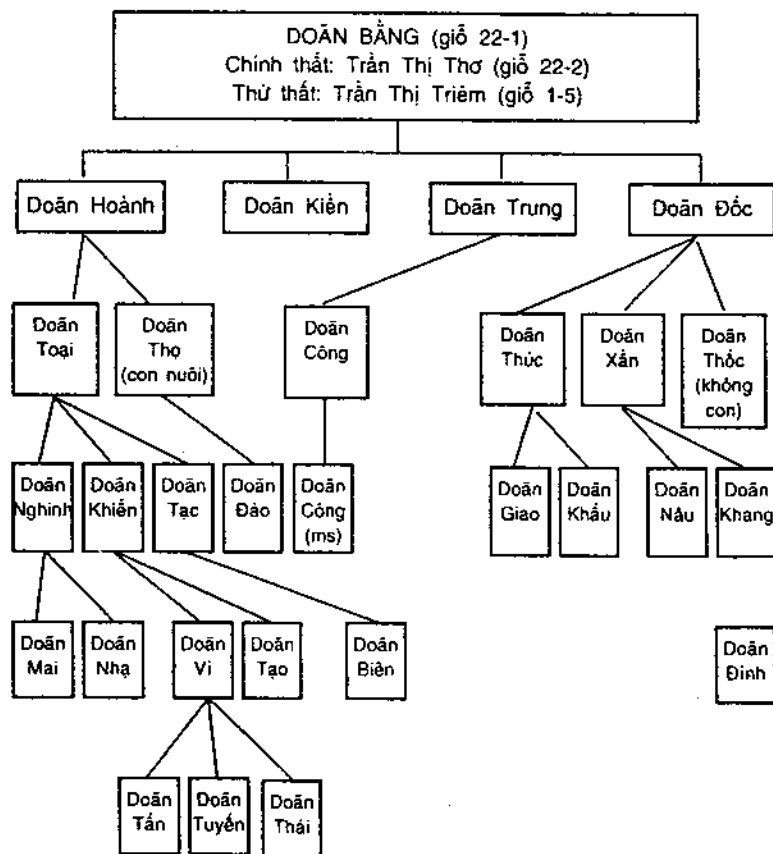


Chi thứ hai thuộc phái thứ 3:



Ghi chú: (ms) - tức là mất sớm.

Chi thứ ba thuộc phái thứ ba:



6. TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ.

Việc phát huy truyền thống gia đình, dòng họ đối với mỗi người Việt Nam trong lịch sử và hiện nay vừa là biểu hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, vừa có tác dụng giáo dục thiết thực đến mọi thế hệ giúp cho mọi người động viên nhau làm những việc ích nước lợi nhà, làm cho xã hội ngày càng giàu đẹp, hạnh phúc. Trong quá trình phát triển, nhiều gia đình dòng họ trở nên giàu có khá giả vì họ biết bảo nhau, nghe theo nhau ăn xẻn để giành, cho nhau vay vốn, giúp nhau cách làm ăn, tạo công việc làm cho bà con (nếu là nhà kinh doanh).

Về học tập cũng thế, có nhiều dòng họ có nhiều người học giỏi, đỗ đạt. Trong khi đó có nhiều gia đình, dòng họ khác không có người đỗ đạt, học nửa chừng bỏ dở. Những gia đình, dòng họ có được kết quả cao trong học tập vì mỗi người trong gia đình, dòng họ ấy đều có ý thức vượt khó, say mê học tập. Dù ăn đói mặc rách vẫn không ngừng học tập. Trong nhà, người biết dạy người không biết, người có tạo điều kiện cho người khó tiếp tục học tập.

Do cách giáo dục và rèn luyện của gia đình, dòng họ mà có những gia đình, dòng họ có cách

sống đặc biệt. Những người trong gia đình sống với nhau thật bình đẳng, vui vẻ, thoải mái nhưng rất khuôn phép, trân trọng lẫn nhau. Gia đình thật sự là mái ấm cho các thành viên, là hàng rào che chắn các luồng gió độc, ngăn chặn con cái phạm tội.

Tất cả đức tính trên được lặp lại ở nhiều thế hệ trở thành truyền thống dòng họ. Bởi vậy người lập Gia phả phải có cách nhìn nhận khoa học, khách quan để đánh giá chính xác việc làm nào được lặp đi lặp lại ở nhiều thời điểm, ở nhiều gia đình, đã trở thành truyền thống. Cuối cùng, người lập Gia phả đưa ra được những dẫn chứng có sức thuyết phục để mọi người thấy được đâu là truyền thống đích thực của gia đình, dòng họ mình.

Đối với Gia phả của một gia đình, người lập phả cần khai thác đến truyền thống lập nghiệp, học hành thi cử, nề nếp gia phong. Nếu là Gia phả của dòng họ cần khai thác thêm truyền thống sẵn sàng chiến đấu hy sinh cho quê hương đất nước.

Truyền thống dòng họ gắn liền với truyền thống làng xã quê hương họ đang sinh sống. Họ Nguyễn Phúc Khê sinh ra từ xã Thái Phúc anh hùng, họ Nguyễn Công sinh ra từ xã Nguyễn Xá anh hùng. Hai dòng họ ấy tuy xa nhau nhưng vẫn giữ được phẩm chất chung của xã anh hùng : Nề nếp, kỷ

cương và sự đoàn kết gắn bó trong xã ngoài làng. Đây là cơ sở cần thiết để phát huy lòng yêu quê hương, đất nước, căm ghét đế quốc thực dân phong kiến thối nát phản động, để rồi làm nảy nở những hạt giống cách mạng từ những con em trong gia tộc.

7. DI NGÔN

Nhiều Gia phả, nhất là những Gia phả thời xưa thường chỉ chú ý đến phả hệ, chép được tên, ngày sinh, ngày mất, chức vụ, tên vợ con. Ghi chép như vậy ít có tác dụng giáo dục truyền thống, đạo đức làm người. Ngày nay, nhiều Gia phả đã quan tâm đến "Di ngôn" của các bậc tiền nhân, góp phần giáo dục gia đình. "Di ngôn" tác động rất sâu xa đến thế hệ trẻ. Con cháu đọc đến những lời căn dặn, nhắc nhở của ông bà, cha mẹ mà nghĩ ngợi đến cung cách ăn ở của đời xưa, liên hệ vào cuộc sống hiện tại, góp phần định ra phương hướng tương lai cho chính mình.

Người lập Gia phả thường dùng *Lời tựa* để nói những điều giáo huấn của tổ tiên hoặc của chính mình cho con cháu. Ghi những lời giáo huấn của các danh nhân vào ngay phần thân thế, sự nghiệp của các vị.

Sau đây là đoạn trích di ngôn trong bài tựa

năm Quý Mão (1843) ghi trong Gia phả họ Doãn:

"... Đòi trước tiên tổ có điều tốt mà không biết đến là kẻ bất trị, biết mà không truyền lại cho đời sau là kẻ bất nhân.

Từ cụ tổ đời 6 lại đây, đại để lấy điều hiếu thuận để đối xử trong gia đình, lấy điều hoà mục đối với mọi người trong họ, lấy điều tín hậu đối xử với mọi người, lấy nghĩa phương để dạy bảo con cháu. Vì vậy, điều tốt con cháu chúng ta nên giữ lấy mãi mãi.

Trong nhà, bố hiền tài con hiếu thảo, anh tử tế em ngoan ngoãn, chồng có nghĩa vợ biết nghe. Trong gia đình thì giữ cho luân lý được ngay thẳng, trọng điều ân nghĩa, lại yên lòng làm điều thiện, vui vẻ có tình có lý, nói phải biết giữ trung tín, làm phải luôn nhắc mình cẩn thận, người không lương thiện thì không giao du, vật mà phi nghĩa thì không lấy, giữ. Không ý vào quyền thế, không tranh giành lợi lộc, kiện tụng thì cốt yếu là không được dối trá.

Người trước đã dạy chẳng để mất cái chất của lễ, nghĩa, thi, thư. Như vậy thì điều thiện có thể làm được và mọi người đều có thể gắng làm được".

*

* *

Trong Gia phả họ Nguyễn Bá, danh nhân Nguyễn Bá Lân đã viết về lời dạy cách làm ăn của mẹ chồng đối với con dâu : "Nhà ta, mấy đời theo nghiệp nho đều sống cảnh thanh bần, dẫu ngày nay có hơn ngày xưa một chút nhưng cũng còn phải dư dật để lại cho con cháu kế thừa mãi mãi. Phàm là người, ta phải nên tự cố gắng, việc gì cũng phải biết may ra sinh kế gia đình mới dư ra thì mới có thể giàu có tích lũy, nghìn vàng ngồi ăn cũng lở. Ta xem người đời bao kẻ giàu có không biết quản lý thì nghèo khó bám gót tới ngay. Nay ta tuổi đã xế bóng, chẳng còn bao lâu, khuyên các con cháu hãy ghi nhớ lấy lời ta, gắng bảo trì lấy cơ nghiệp nhà mình, chớ để hối không kịp".

Lời giáo huấn con cháu về đường học tập : "Trời không phụ công người chăm đọc sách, lời ngạn ngữ ấy từ xưa không phải nói ngoa, vả lại ta thấy cha chúng bay từ sau khi đỗ thi hương thì ngày đêm làm bạn với đèn sách, suốt 10 năm trời không đi chơi đâu, thế mà liên tiếp đi thi còn chưa đỗ được đầu bảng. Không rõ các vị đỗ đầu bảng họ còn chăm chỉ đến thế nào. Chúng bay kịp thời lo việc học hành, gắng sức học cho công phu chớ mê mải chuyện khác, đừng sa ngã về dục vọng, đừng thấy mình kém mà thoái lui,

đừng thấy đã khá mà tự cao, mục tiêu lớn hay nhỏ cũng phải gắng công giành lấy, cổng trời tuy rộng mở nhưng chưa chắc ai cũng tới được, cứ phải gắng như đào giếng sắp tới mạch, đắp núi đã gần xong, con người phải dẫn cho tới đích. Chúng bay hãy ghi nhớ lấy lời ta".

*

* *

Ông bà, cha mẹ lúc lâm chung cũng có nhiều điều trăng trối lại cho con cháu. Lời trăng trối đó chính là những "Di ngôn" quý báu cần phải lưu trữ.

Có những người biết mình sắp chết nhưng vẫn còn mạnh khỏe, mình miễn thì viết di chúc để lại cho con cháu. Hoặc tới lúc lâm chung đọc nhờ con cháu viết. Những lời trăng trối ấy cần ghi chép ra nhiều bản, dán vào phần phụ biên của Gia phả hoặc tiếp ngay phần thân thế, sự nghiệp của người ấy. Như vậy giữ được cả bút tích rất quý. Trong lời trăng trối ấy ghi rõ ngày giờ viết, có ai nghe. Lời di chúc và trăng trối ấy rất quan trọng và có ý nghĩa lâu dài đối với con cháu. Ví như những lời dặn dò về cách ăn ở, xử sự với nhau, việc phân chia sử dụng tài sản để lại,

việc tang lễ, huỷ kỵ sau này. Tất cả những tài liệu này cần phải bảo quản lưu trữ chu đáo. Người lập Gia phả tiếp sau này tùy điều kiện cụ thể có thể sao chép, cắt dán hoặc viết lại tinh thần những Di ngôn ấy.

8. PHẦN PHỤ BIÊN TRONG MỖI GIA PHẢ

Trong mỗi Gia phả phải ghi chép hàng trăm tên người. Mỗi người chỉ ghi tên hoặc sơ lược lý lịch, trở thành bản thống kê đơn thuần, ít có tác dụng giáo dục. Ngược lại, người nào cũng ghi chi tiết thì không có điều kiện ghi hết được hoặc có người không có vấn đề gì đáng ghi. Nếu ghi, Gia phả trở thành nhàm chán.

Bởi vậy, trong mỗi gia đình, dòng họ, người chép Gia phả phải tìm ra được những con người tiêu biểu như : Danh nhân văn hoá, anh hùng dân tộc, nghệ sĩ ưu tú, giáo viên ưu tú, anh hùng, dũng sĩ, nghệ nhân, nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học, người cha, người mẹ mẫu mực, người con hiếu thảo... Ta có thể ghi thêm vào phần phụ biên về những con người ấy cả về hình thức, vóc dáng, phong cách, tâm hồn... người ấy đã ảnh hưởng đến những người xung quanh như thế nào? Công danh, sự nghiệp người ấy ảnh hưởng thế

nào đến phong tục tập quán quê hương. Thống kê các danh mục tác phẩm, tài sản đã để lại cho con cháu, xã hội (cách sử dụng, điều hành những tài sản này). Dư luận, người đời, báo chí đã nhận định, đánh giá về người ấy như thế nào?

Những bản thống kê về ngày giỗ, nơi táng mộ. Ghi chép một số mẫu các bài văn khấn gia tiên để mọi người tiện sử dụng.

VỀ HÌNH THỨC

Hiện nay do điều kiện in ấn thuận lợi, chúng ta không nên để Gia phả tồn tại dưới dạng một tờ giấy viết đơn sơ cuộn trong ống nứa, hoặc tập vở viết tay mà nên đóng thành cuốn sổ có bìa cứng, trang trí trang trọng. Nội dung Gia phả phải được viết chữ thật đẹp, rõ ràng hoặc đánh máy vi tính, phô tô ra nhiều bản đóng thành sách như sách lịch sử cho mỗi gia đình một cuốn.

Ngoài bìa, đầu trang ghi quốc hiệu, giữa bìa ghi đậm *Gia phả họ... xã... tỉnh...* Bên dưới ghi người viết, ngày viết.

Chú ý trang trí bìa cho trang trọng như bìa mẫu, cứng, tên Gia phả ghi hàng chữ vàng nổi, xung quanh có hoa văn, trang bìa có hình ảnh như từ đường, chùa, công trình văn hoá địa phương...

MỘT LOẠI TIỀN GIA PHẢ

Hiện nay có những dòng họ, gia đình chẳng may bị mất Gia phả, muốn làm lại. Có những người

mới đến vùng đất mới không rõ nguồn gốc xa xưa như thế nào, muốn xây dựng lại Gia phả mới từ đầu thì phải làm thế nào ?

Người chép Gia phả chỉ có thể thực hiện được bằng cách sưu tầm lại những tài liệu cũ như câu đối, văn bia, sắc phong hoặc bằng cách hỏi lại những người bề trên còn sống để những người này nhớ lại trong ký ức những điều còn nhớ được về tên, ngày sinh, ngày tử, chức vụ, phẩm hàm, nghề nghiệp, công đức, phong cách làm ăn cùng những lời di ngôn, giáo huấn, những câu chuyện giai thoại văn thơ của những người thuộc thế hệ trước.

Thường thì những điều nhớ trong ký ức này chưa hẳn chuẩn xác, đầy đủ nên không có giá trị đối với lễ nghi, nhất là những vấn đề thuộc tên tuổi, ngày sinh, tử là những dữ liệu cần thiết cho việc khấn vái, giỗ kỵ.

Tuy nhiên, việc nhớ lại là điều cần thiết trong tinh thần nhớ ơn tổ tiên, truy tìm cội nguồn huyết thống.

Việc đầu tiên của người lập Gia phả là phải có cuốn sổ để tập hợp các tư liệu từ đời đầu tiên cho đến ba, bốn đời sau tiếp. Loại hình này người xưa gọi là "Phả ký". Chữ phả này do chữ "Phổ" mà ra dùng với nghĩa "mới, vừa". "Phả ký" không được coi là Gia phả, Tộc Phả. Đây chỉ là văn bản

có tính chất "chuẩn bị" cho việc thiết lập Gia phả về sau, thực chất là một loại "Tiền Gia phả".

"Phả ý" có nơi còn gọi là "Sự tích gia đình", có lẽ cách gọi này nôm na và sát thực tế hơn. Nó cũng ghi đầy đủ tên tuổi, chức vụ, phẩm hàm, sự tích, công lao của những người trong gia đình gồm bốn, năm đời gần nhất.

"Sự tích gia đình" là lối ghi chép Gia phả thông dụng nhất của đồng bào miền Nam và hiện nay được phổ biến rộng rãi ở nhiều địa phương. Sự tích gia đình là sự biến thể của Gia phả cho phù hợp với gia đình thuộc vùng đất mới không rõ cội nguồn của tổ tiên mà chỉ biết được bốn đến năm đời hiện tại. Ngay nhiều gia đình tuy đã có Gia phả cũng nên có cuốn "Sự tích gia đình" để bổ sung những điều mới biết, có điều kiện viết kỹ hơn về những người trong gia đình. Sau này dựa vào cơ sở đó bổ sung cho Gia phả đầy đủ, tỉ mỉ hơn.

Viết sự tích gia đình gồm hai bước : Tập hợp tư liệu và biên chép.

- Tập hợp tư liệu : Trong việc tìm hiểu tư liệu về các cụ đã quá cố thật khó khăn. Người viết cần gặp trước nhất là cha mẹ, chú bác, cô dì của mình để nhận được những điều trình bày, đánh

giá thật khách quan trung thực. Việc đi tìm tư liệu không thể ấn định thời gian cố định và càng không thể dùng biện pháp cưỡng chế như việc truy tìm tung tích các vụ án. Người chép sử phải tùy từng lúc và lựa vào dịp thuận lợi nhất cho việc dò hỏi ấy. Tốt nhất là vào những buổi tối thư rồi, yên tĩnh, thoải mái. Những vấn đề đặt ra để tìm hiểu thường thông qua câu chuyện vui, những câu hỏi bình thường để biết về các cụ. Ví dụ : Cụ ông trước vừa dạy học, vừa làm thuốc chắc giàu có lắm ? Trong ảnh cụ thật hiền lành, phúc hậu, không hiểu cuộc sống thực của cụ thế nào ?...

Muốn thu thập tư liệu tương đối đầy đủ, người viết nên khôn khéo dựa vào lúc những ký ức về các cụ dễ dàng được khơi dậy trong mọi người như ngày giỗ, ngày tết. Người viết nên tìm cách để câu chuyện được kể ra vào lúc có mặt đông đủ cả nhà. Qua đó, dễ dàng kiểm tra, tổng hợp được những tư liệu khách quan và trung thực.

Nếu khéo dò hỏi, các ông các bà sống cùng thời với các cụ sẽ kể ra vanh vách những câu chuyện về các cụ trong cuộc sống đời thường.

- Biên chép : Sau khi tìm được đủ tư liệu, người viết sự tích gia đình nắm được toàn bộ mối liên quan của mọi người trong gia đình và sắp xếp thành hệ thống từ trên xuống dưới. Đến đây người

viết có thể tiến hành việc biên chép về từng người trong gia đình.

Vấn đề là biên chép như thế nào để cho mọi người xem không những hiểu được những sự kiện đã xảy ra trong đời của mỗi người trong gia đình mà còn để mọi người biết được nguồn gốc, công lao, đức độ của tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

Viết về những người đang còn sống cũng là vấn đề khó khăn và tế nhị. Viết thế nào để người đọc về mình thấy phấn khởi, tự hào nhưng cũng thấy được những điều cần phải sửa mình để xứng đáng với gia đình. Đọc về người khác, thấy đó là sự thật cần phải tôn trọng và học tập.

Hoàn tất xong việc ghi chép này là đã có cuốn "Sự tích gia đình" khá đầy đủ. Cuốn "Sự tích gia đình" nên ghi một mặt giấy, qua nhiều năm, mỗi đời tên tuổi, tiểu sử và sự tích của nhiều con cháu sẽ được bổ sung vào mặt giấy trắng còn lại. Góp lại ta sẽ được cuốn "Tộc thư" vô cùng quý báu. Tập "Tộc thư" này sẽ là tài liệu rất quan trọng cho con cháu đời sau lập Gia phả.

GIA PHẢ VIẾT DƯỚI DẠNG DIỄN CA

Gia phả diễn ca thường viết dưới dạng thơ lục bát. Con cháu đọc dễ hiểu, dễ nhớ và nhớ được lâu. Người viết diễn ca thật khó khăn vất vả vì

phải đảm bảo được luật thơ, đồng thời đảm bảo được nội dung của Gia phả. Nội dung của Gia phả lại khá dài và phức tạp. Mỗi Gia phả gồm hàng chục đời. Mỗi đời ít nhất là một người, có khi hàng mấy chục người. Mỗi người có trình độ, phẩm hàm, công đức khác nhau. Như vậy người viết diễn ca phải biết chọn lọc những vấn đề gì cần viết với mức độ hợp lý.

Khi viết diễn ca không nên quá câu nệ vào niêm luật thơ mà phải coi trọng nội dung Gia phả. Trong diễn ca không thể nêu hết mọi người, mọi sự kiện như viết bằng văn xuôi.

Diễn ca không thể thay thế hoàn toàn được Gia phả nhưng ưu điểm của nó giúp con cháu đọc dễ hiểu, dễ nhớ và nhớ được lâu như trên đã nói. Vì vậy, bên cạnh mỗi cuốn Gia phả viết bằng văn xuôi công phu cũng nên viết thêm bài "diễn ca" để con cháu truyền miệng nhau ghi nhớ cái cốt lõi lịch sử của gia đình, dòng họ. Sau đây chúng tôi xin giới thiệu bài "Nguyễn gia lịch đại diễn ca" trong cuốn "Nguyễn tộc chính phả" dòng họ Nguyễn, Đan Phượng, Hà Tây.

*

* *

NGUYỄN GIA LỊCH ĐẠI DIỄN CA

Vốn ta sinh ở đời sau ;
Biết chi đời trước đã lâu mà truyền.
Song le nhớ đức Tổ tiên,
Kíp bèn thu thập nhà truyền một hai.
Mảng nghe vắng tiếng bên tai,
Có ông Thân Đức lên giai ngõ ngang.
Lấy bà Từ Thuận một nàng
Cửu canh tần tảo mỗi đường mỗi hay
Ông thời hậu tặc ra tay
Đêm đêm cuộc nguyệt, ngày ngày cây mây
Lại thêm côi đức cao xây,
Nền nhàn cao đắp non tây sánh vời.
Thiên thay trên thấu lòng trời,
Hùng bi sớm ứng trên đời hoạ hai.
Sinh ông Phúc Thọ là trai,
Dâu bà Diệu Hạnh trong ngoài mặc con.
Ông thời hoà mục hương thôn,
Bà thời hiền thảo dâu con vỗ về
Gái trai mỗi con mỗi nghề,
Gái thời tơ vóc, trai thời văn thơ.
Tông tử sinh ông Phúc Cơ,
Cửa tình mến đạo, sớm trưa quen nhà.
Bảng thu ngày dự chiêm ba,
Người người đều thấy khắc gia con lành.

Đã mừng kim bảng quái danh,
Lại mừng hoa trúc căn bình sáng soi.
Từ ý tự bà sanh đôi,
Văn trường ông ấy nối đời hiệu sinh.
Từ bảo bà kết duyên lành,
Phúc nhà thêm hậu con sinh nối truyền.
Quy Sơn hai chữ là tên,
Phúc cái là hiệu con hiền nên danh.
Ngỡ ngàng đang thấy trời sinh
Nhân duyên ấy đức, giả sinh ấy tài.
Hoá công nào lo một hai,
Đây hồng sớm kết một người tiên nhân.
Từ tú ấy ba tiêu quân
Khuyên chồng lập chí lên thân làm tri.
Từ ấy chẳng dòi một ly
Vui thay đèn sách lánh bề nguyệt hoa.
Thu ghi bông mảng nở hoa,
Bốn ngày đều dự chẳng sai một ngày.
Nền văn cao cả từ đây,
Càng lâu càng thịnh, càng ngày càng hơn.
Dày dầy con phượng cháu loan
Vả lành, vả thảo thế gian dễ tày.
Phúc trách ông ấy hiền thay,
Càng cao cội đức càng dày nền nhân.
Ra tay mở rộng nguồn ân
Mặc ai lành dữ chẳng phân tranh giành.

Từ Quang bà cả là danh
Từ Thục bà bé hoà lành hoà khôn.
Đêm ngày khuyên học Khổng môn
Thi thư mấy quyển đọc ôn lâu lòng.
Nghĩa ngang một tập một thông
Ngày càng học thói nho phong ý thấy.
Thu vi đã chiếm bốn ngày,
Quốc Oai giám vi Sơn Tây khôn bì.
Sơn nam hiến sát xử ty
Gần thì mến đức xa thì ngóng trông.
Đành thay tạo hoá khéo công
Cha rỗng ắt lại con rỗng chẳng nhưng
Tuy phúc ông ấy ai bằng
Thương tài há ví đứng hàng khôn sơ.
Nhà nho lại sửa nghiệp nho
Vĩ so công việc tiên tu mùi gò.
Tề gia phó mặc hiển phi
Là bà Từ Quý ông thì lập công.
Hạnh dẫn học đạo ba đông
Khấp xem mọi quyển tạc lòng năm kinh.
Văn chương ai thấy chẳng kinh
Tăng tư một chiêu cư trình nối chân.
Phúc lành từ gặp hội xuân,
Vũ môn cao vượt thoát thân lên rồng.
Lập công nay đã lên công,
Tân trung thử tiết cửu trùng yêu đương.

Dân lành phủ tứ đôi phương
Quân thần ví đức cam đường nghị nhân :
Có quan giai lại bước đòi tuân
Tước năm ở bốn cận thần đảm đang.
Thêm phong quyền hữu thị lang
Vả cao vả cả hoà sang hoà giàu.
Chắc thất hai bà nối sau
Vĩ so liệt chuyện lên đầu nữ công
Ở lành thì gặp chẳng không
Con sinh dày dầy sáng thông hai người.
Trưởng nam tính chiu ở trời,
Có tài có đức trong đời hoạ hai.
Bảng thu sớm đã tên bày
Đã tôn kính lại người người ngợi khen.
Sĩ đồ thoãn thoắt bước lên
Hoàng hoa nghị đã bước quyền thị lang.
Vững vàng cột đá miếu đường
Người Trung Dường, quốc, họ Trương Hán triều
Thượng thư hình bộ càng cao
Giữa trời Bắc đẩu ngôi sao rõ ràng.
Thêm phong lại bộ Thị lang
Lại phong tử tước danh thom muôn đời.
Lại thêm sau bốn em trai
Hai người hương cống, hai người giải nguyên.
Tuy rằng Tiến sĩ muộn lên
Song đều chức tước xa miền trần ai.

Em gái ??? tuy họ ngoài
Cũng bà ơn phần cũng bà ơn con
Non mòn họ Nguyễn chẳng mòn
Còn trời, còn đất cháu con hơn người.
Hoạ nhà nào một mình ai
Có tài khắc chúng, có tài khắc gia
Đời đời nôi gót đấng khoa
Đã nhà Tiên sĩ lại nhà hiền vinh
Người hiền hiếm hữu chức khinh
Người sang chức trọng công Khanh ở đời.
Muôn năm thế cập còn dài
Nhà nhà hiền đạt, người người vinh hoa
Đời truyền con cháu càng xa
Công danh càng thịnh, người ta càng nhường.
Rõ ràng danh để kiếm tương,
Công bày thế lữ, dao vàng sánh lâu.
Chẳng hay công đức bởi đâu
Là chung đời trước dễ hầu không nhưng
Ấu là trên có cao tăng
Dưới có tổ khảo đức bằng Thái Sơn.
Ta vừa tưởng nhớ nguồn cơn
Bút hoa muốn chép Tổ tiên sự nhà.
Bút ta ghi tích nhà ta
Cứ đời sau trước, vậy hoà riêng biên.
Ấy là giá sử để truyền
Dù ai xem thấy chê khen mặc lòng.

PHẦN ĐỌC THÊM

VIỆC PHỤNG THỜ TIỀN NHÂN

Dân tộc Việt Nam từ Nam chí Bắc, dù ai theo thuyết duy vật hay duy tâm, tín ngưỡng hay bác bỏ tín ngưỡng nhưng với ý niệm "uống nước, nhớ nguồn" đều coi trọng gia lễ. Trong nhà dù rộng hay hẹp, giàu nghèo đều có bàn thờ tổ tiên trang trọng.

Thờ ông bà tổ tiên không có những điều kiện mà do lòng tự giác của con người. Thờ tổ tiên ông bà không phải là tín ngưỡng vì một người có thể tin hay không tin một lý thuyết tôn giáo nào đó, còn thờ tổ tiên không thể không tin mà *phải có lòng tin* trước những vị có thật đã sống và lưu truyền lại huyết mạch. Ông bà hữu hình chứ không phải vô hình như đáng thiêng liêng trong các tôn giáo.

Bởi vậy bất cứ người Việt Nam nào dù tín ngưỡng hay không tín ngưỡng cũng phải giành

một chỗ để lập bàn thờ tổ tiên. Nhà có điều kiện thì giành hẳn một gian thờ phụng có bàn thờ, trên bàn thờ có đặt cỗ i, lư hương, cây đèn, mâm quả... mặt ngoài có màn thờ che, tiếp đó có bàn nhỏ đặt cỗ. Đối với gia đình còn chật chội thì dùng mặt tủ, hoặc đóng xích đông ở tường. Trên mặt bàn thờ nhớ có bát hương, ảnh thờ. Ngày mồng một, mười rằm và ngày giỗ thường thắp hương khấn vái ông bà, cha mẹ để tỏ lòng thành kính, biết ơn người đã khuất. Tuyệt nhiên không nên lạm dụng khấn vái cầu xin "đi một về mười", những điều tiêu cực làm mất ý nghĩa việc hiếu nghĩa chân chính.

Để giúp cho mọi người trong gia đình nung nấu lòng hiếu nghĩa với các bậc tiền nhân, Gia phả luôn là chứng minh, nhắc nhở mọi người nhớ đến ngày sinh, ngày mất của ông bà, cha mẹ mình để tổ chức các ngày sinh nhật, giỗ kỵ, mừng thọ thật vui vẻ, trang trọng ; tránh việc lạm dụng những ngày này để khoa trương, hiềm khích, mất đoàn kết.

Lâu nay, trong những ngày giỗ, việc họ (giỗ cụ tổ của họ) có một điều quan trọng vẫn chưa mấy nhà làm được đó là việc nói lại Gia phả (tiểu sử, thân thế, sự nghiệp các vị tiền nhân hoặc nguồn gốc dòng họ).

Việc phụng thờ tiền nhân còn có nội dung rất quan trọng và thiết thực là việc chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, bố mẹ những người đang còn sống với mình. Đó thực là việc hiếu nghĩa.

Việc hiếu phải được con cháu nghĩ đến hàng ngày chứ không phải chỉ đến lúc chết làm đám thật linh đình, khóc lóc thảm thương, ngày giỗ có mâm cao, cỗ đầy, khách khứa đông vui để lấy tiếng thiên hạ.

Ngày xưa các cụ rất nghiêm khắc về đạo hiếu, yêu cầu mỗi con người từ lúc nhỏ đến lúc già không ngày nào sao nhãng đạo làm con. Còn nhỏ thì ngoan ngoãn vâng lời, kính cẩn với bề trên. Lúc khôn lớn trưởng thành thì lo phụng dưỡng, chăm sóc, không làm điều gì phiền lòng đến ông bà, cha mẹ.

Còn cha, còn mẹ được chăm sóc phụng dưỡng là một điều vinh hạnh, là nỗi vui sướng. Do vậy làm con không được nhắc đến điều "bất hạnh" của tuổi già.

Bố mẹ càng sống lâu, con cháu càng tự hào, sung sướng. Lễ mừng thọ các vị cao niên là làm theo ý nghĩa đó.

Dưới đây xin trích dẫn một số bài điều mừng thọ trong một số Gia phả để bạn đọc tham khảo.

Lời mừng thọ cụ Bùi Bá Ngọc, 70 tuổi (ghi theo Gia phả họ Bùi Định Công, Thanh Hoá).

"Họ Bùi ta lấy nghề nông cấy nghiệp, cả họ đều miệt mài đèn sách. Xưa nay có tiếng vang trường ốc.

Mà ông là người có tiếng ở làng nước, có địa vị cao bậc tướng là bậc thế thần ở triều đình, tước lộc tuổi thọ đều được hưởng cao, làm nền tảng vững chắc cho nước nhà. Hàng xóm khen ông là người hướng thiện, người ấy từ nhỏ chí lớn đều lễ phép. Có lẽ nhờ khí thiêng của sông núi sinh ra. Trên thì thành thực, hoà nhã, dưới con cháu chất phác, thực thà mà kết tinh thành khí vững bền, càng ngày càng được bổ sung nhiều thêm.

Từ xưa đều chưa gián đoạn, Giám Bạ tiên sinh hưởng thọ 89 tuổi, qua mấy đời đến nay con cháu càng ngày càng đông đúc. Người sống thọ ngoài 70 tuổi sơ khoảng vài chục người mà vị Huyện thừa là bố đẻ của ông Bá Ngọc thì 78 tuổi. Nay chú họ là Trung Thuận, Huyện thừa 81 tuổi. Trong buổi mừng thọ năm nay, con cháu đã mở hội ăn mừng nhiều lần ở trong thôn xã. Giám Bạ tiên sinh cùng với con cháu huyện tông của ông là Tư Ban cha con đều cùng lên lão... May mắn được hưởng ân sủng của quốc gia mà được hưởng tuổi thọ vinh hoa, quanh năm mặc áo mũ vái lạy ở nhà thờ đủ làm vẻ vang trong dòng họ. Bàn về phong thổ, mỗi khi nói đến mộ tổ ứng với án núi chẳng ? Đúng là như vậy ru ?

Vị Giám Bạ tiên sinh là em ruột của Chương bộ t'ống công ta, nhờ tích đức có được phúc lớn ngày nay và sau này không rõ vì nhân nào nổi lên không.

Như tướng công tiên liệt của ta lẫn lộn trong triều đình mà tuổi 80, 90 cho đến 100 chẳng là nhờ âm phúc hay sao ? Bá Ngọc tính tình chất phác, thẳng thắn nhờ có phong thái của ông nội, ăn uống thì tiết kiệm, không quá cuộc sống bình thường. Nay thọ 70 tuổi mà vẫn lấy cơm gạo làm quý, sức khoẻ, mắt sáng, minh mẫn. Họ hàng mừng thọ có nghĩa là tôn kính tổ tiên. Khéo giữ theo nếp nhà, giữ mãi đức độ, tác phong, thì như tôi đã từng nói duy trì trong khoán ước để chứng nghiệm đức ấy. Năm trước họ ta đã mừng thọ Huyện thừa Trung Thuận cũng xin văn ta, ta làm văn nói rằng chỉ họ đó phồn thịnh. Ta vui vẻ làm mà không phải là chỉ một bài. Kế đó làm cho hai người 70 và 80. Năm nay dòng họ lại xin văn ta và nói rằng sẽ đóng thành sách, ta vui vẻ chấp nhận và lấy làm vinh hạnh mà không thể từ chối được. Lại có một người cao tuổi trong họ, ta cũng không nỡ từ chối.

Ôi ! Tuổi ta năm nay đã 74 và thấy Thuận Công nay đã 81 cũng vào bậc hàng dưới đầu dám tự cho là nhiều đầu. Lại tuân theo lời mà ghi chép thành bài văn vậy.

Bùi Huy Thục soạn



Trích lời điều của cụ Thế Nghi khóc bạn

Than ôi ! Trước đây ta cũng thế kết bạn tâm giao, nhưng mười người chỉ có một ông. Mười mười năm anh em sống chết có nhau như tổ tiên ta đã từng nói vậy. Ngẫu nhiên, ngày nay lại được những người bạn tái hiện, anh em chưa trọn lời thề đã lìa xa về cõi khác. Cùng bạn tâm giao, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa. Người tuy đã khuất, ngàn vạn năm sau vẫn hằng ghi nhớ.

Thương thay ! Thương thay !



Trích lời điều của Chắt Trai khóc bạn

Than ôi ! Sống chết là lẽ thường, ta đã biết bạn vui buồn, sống chết có nhau, không kể thế lực, tuổi đời, khác hẳn mọi luật lệ thế gian. Chỉ biết lấy đạo lý làm mục đích cao cả mà nay bỗng nhiên kẻ Nam người Bắc khác đường, kẻ âm người dương cách biệt. Tôi với anh như chân với tay, cơ thể một con người, nay đã gãy, không thể nào

lấy lại được, lễ thường đã đến vậy chẳng phải một mình tôi thương tiếc mà cả mọi người đều thương nhớ.

Ôi thôi ! Thương thay !

VIỆC ĐỂ TANG NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

Trong gia đình có người mất là một mất mát đau đớn nhất của mỗi con người. Tang phục, khăn tang, băng tang mà mỗi người dùng trong ngày lễ tang hay các ngày thường là sự biểu hiện cụ thể về nghĩa tình đối với người đã khuất. Theo "Thọ mai gia lễ" có năm hạng tang phục, tùy theo quan hệ huyết thống, thân sơ giữa người sống và người chết.

1. *Đại tang* : Trảm thôi, tề thôi.

- Quần áo sổ gấu là trảm thôi : Con để tang cha.

- Quần áo không sổ gấu là tề thôi : Con để tang mẹ, vợ để tang chồng khi cha chưa mất.

- Thời hạn ba năm.

- Áo xô, khăn xô có hai giải sau lưng (gọi là khăn ngang). Nếu cha mẹ đều đã mất thì hai dải bằng nhau. Nếu mất một người thì hai dải dài ngắn lệch nhau.

- Con trai chống gậy : Tang cha gậy tre, tang

mẹ gậy vông, mũ rơm quai đũa, dây chuối, dây đai thắt lưng.

Thời nay, nhiều nơi đã bỏ những tang phục này, ở thành phố nhiều nhà dùng băng đen theo tang chế châu Âu.

Nếu con trai trưởng mất trước thì cháu đích tôn để tang ông bà nội cũng đại tang thay cha.

2. *Cơ niên* : Để tang một năm. Từ cơ niên trở xuống dùng khăn tròn, vải trắng, không chống gậy.

- Con riêng của vợ để tang bố dượng, nếu bố dượng có công nuôi (nếu không ở cùng thì không để tang) ; trước đó ở cùng, sau thôi thì để tang ba tháng.

- Con để tang mẹ đẻ nhưng đã xuất giá.

- Cháu để tang bác trai, bác gái, chú thím, cô.

- Anh chị em ruột để tang nhau (cùng cha khác mẹ cũng tang một năm, cùng mẹ khác cha thì năm tháng).

- Cha mẹ để tang con trai, gái, dâu, rể, nuôi.

- Chú bác, thím, cô ruột để tang các cháu (con anh em ruột).

- Ông bà nội để tang cháu đích tôn.

- Rể để tang bố mẹ vợ (vợ đã chết lấy vợ khác cũng vậy).

3. *Đại công* : Để tang chín tháng.

- Anh chị em con chú bác ruột để tang nhau.
- Cháu dâu để tang ông bà của chồng, chú bác thím cô ruột của chồng.

- Mẹ để tang con dâu thứ và con gái riêng của chồng.

- Con gái đã xuất giá để tang bác trai, bác gái, chú thím, cô ruột.

4. *Tiểu công* : Để tang năm tháng.

- Chắt để tang cụ (khăn vàng).
- Cháu để tang anh chị em ruột ông nội.
- Anh chị em chú bác ruột để tang chị vợ của nhau.

- Chú bác để tang cháu dâu.

- Ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô để tang cho cháu (Cháu nội của anh em ruột).

- Cháu dâu để tang cô ruột của chồng.

5. *Ty ma phục* : tang ba tháng

- Chắt để tang cụ nhà bác, nhà chú.

- Cháu để tang bà cô đã lấy chồng.

- Bố mẹ vợ để tang con rể.

- Ông bà ngoại để tang cháu ngoại và cháu dâu ngoại.

- Anh chị em con cô, con cậu, con bác, con dì để tang nhau.

CÁCH LẬP BÀN THỜ VỌNG

Bàn thờ vọng áp dụng cho con cháu sống xa quê, hương vọng về quê thờ ông bà, cha mẹ, hương khói trong những ngày giỗ tết, ngày 1, 15 (âm lịch). Bàn thờ vọng thờ ông bà cha mẹ chỉ được lập trong trường hợp sống xa quê. Những người con thứ bất kỳ giàu nghèo sang hèn phải có phận sự đóng góp lễ hoặc đưa lễ đến nhà trưởng làm lễ, cho dù cửa trưởng chỉ thuộc hàng cháu thì chú hoặc ông chú vẫn phải thờ cúng ông bà, tổ tiên tại nhà trưởng. Do đó, không có lệ lập bàn thờ vọng đối với con thứ ở ngay quê nhà. Nếu cửa trưởng khuyết hoặc xa quê thì người con thứ hai thế trưởng lập bàn thờ chính.

Khi bắt đầu lập bàn thờ vọng phải về quê chính báo cáo gia tiên tại bàn thờ chính. Sau đó xin phép chuyển một lư hương phụ hoặc mấy nén hương đang cháy dở mang đến bàn thờ vọng rồi thắp tiếp. Nếu có nhà thờ riêng rộng rãi, kang trang thì bàn thờ đặt ở phòng riêng, chuyên để thờ cúng tôn nghiêm, hoặc kết hợp đặt ở phòng

khách, nhưng cao hơn chỗ tiếp khách. Bàn thờ vọng hướng về quê chính để khi hấp hương vái lạy thuận hướng vái lạy về quê. Không nên đặt bàn thờ cạnh chỗ tạp uế.

VĂN LỄ THƯỜNG

Việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, việc tổ chức lễ tang, giỗ chạp trong các gia đình, chi họ gọi chung là Gia lễ, là việc hiếu từ ngàn xưa đã in sâu vào tâm linh của mọi người Việt Nam.

Với mục đích giúp các bạn đọc đỡ mất công mời thầy, tra cứu sách vở để cúng lễ, tôi xin giới thiệu với bạn đọc một số bài văn lễ thường, lễ tang trích trong cuốn "Phong tục thờ cúng trong gia đình Việt Nam" của tác giả Toàn Ánh - Nxb VHDT xuất bản năm 1996 và các cuốn Gia phả. Người lập Gia phả có thể ghi nội dung này vào phần phụ biên của các cuốn Gia phả, giúp cho mọi nhà tiện dùng.

Văn lễ thường (sau khi hết tang) là văn khấn tổ tiên, ông bà, cha mẹ, cô chú trong gia tộc. Kết cấu các bài khấn đều theo thứ tự sau : Quốc hiệu, niên hiệu, địa điểm. Ai đứng cúng, lý do cúng,

cúng những gì (lễ phẩm), cúng ai, cần cầu khẩn điều gì ?

- Niên hiệu : Gồm ngày, tháng, năm dăng lê (ngày âm lịch).

- Tên tuổi : Kể rõ tên tuổi, quê quán, địa chỉ gia chủ. Khấn bố mẹ thì xưng con, chúng con ; khấn ông bà thì xưng cháu, chúng cháu.

Giản dị hơn khi cúng gia tiên ta đều xưng hô "Gia trưởng" là cách xưng hô thông thường nhất.

- Lễ phẩm : Trước khi kể lễ phẩm thì bắt đầu bằng chữ "Kính dâng" lễ phẩm gồm : Trầu, rượu, hoa quả, cỗ bàn, xôi gà, thịt luộc, thịt sống, bánh trưng thu, xôi mới...

- Duệ hiệu : Kể tên tuổi, chức phận người chết.

Văn khấn giỗ

Năm..., tháng..., ngày...

Nay tôi là....., sinh quán tại..... Cư ngụ tại.....

Thành khấn có :

Hương hoa trầu rượu, cỗ bàn mọi vật

Dám xin kể ra

Nhân ngày giỗ chính, xin kính mời

Hương hồn là..... về chứng giám

Văn khấn giỗ cha mẹ

Dưới đây xin trích bài văn khấn giỗ cha mẹ trong Thọ Mai gia lễ :

Năm... tháng... ngày... Con là..., vì nay ngày ky, lễ bạc lòng thành kính dâng hiến khảo (mẹ là hiền tỷ) phủ quân (mẹ là nhụ nhân) trước bàn thờ rằng :

Công sinh thành như núi Thái sơn

Ngày huý ky xin dâng lễ vật.

Xin linh hồn chứng giám, hộ con cháu bình yên.

Cẩn cốt

Văn tế giỗ của thi sĩ Tản Đà làm hộ một vị tri huyện tế mẹ là một thứ thất :

Than ôi !

Mây khơi cách trở ngàn trùng,

Chốn tiên quốc trông lên hồ dễ thấy ;

Ngày tháng thoi đưa mây chốc,

Bức từ vi nghĩ lại đến càng thêm !

Nhớ mẹ xưa :

Gánh vác bao càn,

Cù lao chín chữ

Giữ mọi tiết kinh hoà cho phải đạo

Ra dưới ra trên,

Dạy các con khôn lớn nên người,

Có danh có phận.
Đức trình thuận xa bay nơi quận hạt,
Đạo ôn từ để lại nếp khuê môn.
Những mong tuổi hạc trăm năm,
Dài nương bóng tử ;
Nào biết xe tiên một phút,
Vội lánh côi trần.
Gặp tiết giỗ đầu.
Kính dâng tấc dạ.
Con cháu họp đông đủ mặt
Rượu nhang vàng nến lễ thường.
Trông núi Vân ngất một màu xanh
Cảm xưa đức mẹ,
Gạt dòng lệ chia đôi hạt trắng,
Gọi chút tình con.
Than ôi !

Mẫu văn khấn gia tiên

Duy Đại Việt tuế thứ..., ngày..., tháng..., năm...
(âm lịch), tín chủ là. ..., sinh quán tại... trú quán
tại... cùng toàn gia.

Cúc cung bái trước bàn thờ
Kính dâng lễ bạc hương hoa rượu trầu,

Cùng là phẩm vật trước sau,
Lòng thành tâm nguyện thỉnh cầu gia tiên :
Cao tăng tổ khảo đôi bên,
Cao tăng tổ tỷ dưới trên người người,
Cô di chú bác kính mời,
Đệ huynh đồng thỉnh tới nơi từ đường ;
Cúi xin phù hộ khang cường toàn gia.
Cẩn cáo

Dưới đây là một mẫu văn khấn gia tiên nhân dịp sinh con trai:

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Nay con giữ việc phụng thờ tên là..., tuổi..., sinh tại xã... huyện... tỉnh... cùng toàn gia, trước bàn thờ gia tiên cúi đầu bái lễ.

Kính dâng lễ bạc : trầu rượu, trà nước, vàng hương, hoa quả cùng phẩm vật, lòng thành nhân dịp sinh hạ cháu trai, kính mời hương hồn nội ngoại gia tiên, kỵ, cụ, ông bà, cha mẹ, cô di chú bác, anh chị em chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin gia tiên phù hộ độ trì cho cháu nhỏ hay ăn, chóng lớn và toàn gia khang kiện.

Cẩn cáo.

Sớ tạ mộ

Tam bảo tư vì Tạ mộ pháp đàn.

Nay cứ theo địa chỉ tại Đại Việt

Địa chỉ ở :....

Lễ này làm tại nhà chúng tôi, vâng theo phép Phật bảo hộ bình an, tín chủ tên là cúi đầu bày tỏ về việc vong hồn của Tiên linh chúng tôi đã qua đời mà thời gian đã quá lâu cùng với thời cục biến đổi, sợ rằng hồn phách không yên, bởi vậy chúng tôi cần biện lễ vật để tạ mộ, trông ơn đức Phật tế độ vong hồn và đức Thần linh dẫn hồn sứ giả, đưa hồn đến nơi đến chốn, dẫu rằng âm dương cách biệt, đường xa xa xôi, nhưng nhờ có tờ Diệp văn này thì cũng thông cảm được.

Tờ diệp này do quan Dẫn hồn sứ giả Ngũ đạo tướng quân chuyển đến quan Đương xứ Thổ địa chánh thần tiếp nhận nơi âm phủ.

Xin quan Sứ giả bố cáo cho các ty các nơi thuộc hạt như các bến đò, bến chợ đều biết, không ai được làm ngăn cản để cho vong hồn được nhận linh lễ vật an ổn ở nơi mộ phần, hầu khiến cho kẻ âm người dương đều được hưởng phúc lạc.

Nay diệp.

Mộ táng tại... năm, tháng, ngày, giờ.

HỘI ĐỒNG GIA TỘC

Trưởng họ

Ngày xưa, việc họ là theo vào trưởng họ. Họ lớn có trưởng họ lớn, các chi có trưởng chi. Trưởng họ không căn cứ vào tài năng, tuổi tác, không do họ bầu mà do thế thứ quy định. Trưởng họ có quyền lợi, nghĩa vụ rõ ràng. Trưởng họ được sử dụng ruộng hương hoả để mua hương hoa thờ cúng. Khi vào tế lễ, trưởng họ đầu còn trẻ vẫn là chủ tế. Các ông chú cao tuổi vẫn là bồi tế. Nếu nhỏ quá thì một ông chú kế trưởng thay thế.

Ngày nay, ruộng đất thuộc về sở hữu toàn dân, không còn ruộng hương hoả. Có nhiều họ, trưởng họ đi công tác thoát ly ở phương xa, con còn nhỏ không đảm đang được việc thờ cúng của họ. Bởi vậy họ phải tạm thời lập ra Hội đồng gia tộc, hay Hội đồng tộc biểu gồm những người có uy tín nhiệt tình trong họ để chăm lo việc họ.

Những người trong cùng một họ sống xa quê như cùng ở vùng kinh tế mới, thành phố, thủ đô do nguyện vọng, tâm tư, tình cảm "uống nước nhớ nguồn" cùng tập hợp nhau lại bầu ra Hội đồng tộc biểu, ban liên lạc gồm những người có uy tín, nhiệt tình đứng ra đảm nhiệm việc giỗ họ và hiếu

hỷ hàng năm. Việc giỗ họ ở nơi xa không có điều kiện để tế lễ thay vào đó bằng việc đọc Gia phả, khấn vái trên bàn thờ vọng của họ lập ra ở nhà người tổ chức. Nhân việc họ, mọi người trao đổi nhau về thân thế, sự nghiệp của các vị tiền nhân trong họ, trao đổi về truyền thống dòng họ, về cung cách làm ăn, giới thiệu về thế thứ...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Gia phả - Phạm Côn Sơn và Trương Sĩ Thăng - NXB Văn hóa Dân tộc - 1998.
- Một lỗi chép Gia phả thật đơn giản - Dã Lan Nguyễn Đức Dự - NXB Mũi Cà Mau - 1993.
- Từ điển tiếng Việt - Nguyễn Như Ý - NXB Giáo Dục.
- Gia đình và dân tộc - Nguyễn Thế Long - NXB Lao Động.
- Hồ Chí Minh văn hóa và đổi mới - Đinh Xuân Lâm và Bùi Đình Phong - NXB Hà Nội - 1998.
- Phong tục thờ cúng trong gia đình Việt Nam - Toàn Ảnh - NXB Văn hóa Dân tộc - 1994.
- Nếp cũ con người Việt Nam - Toàn Ảnh - NXB thành phố Hồ Chí Minh - 1991.
- Các cuốn Gia phả của các gia đình dòng họ:
 - Nguyễn Công tộc phả tỉnh Thái Bình.
 - Gia phả họ Nguyễn, Động Trung Thái Bình.
 - Gia phả họ Bùi, Viên Trình, Thái Bình.
 - Gia phả họ Nguyễn, Thái Phúc, Thái Bình.
 - Gia phả họ Dương, Lặt Sơn, Hà Nam Ninh
 - Gia phả họ Nguyễn, Thương Cốc, Hải Dương.
 - Gia phả họ Nguyễn, Tây Đàm, Hà Tây.
 - Nguyễn tộc chính phả, Đan Phượng, Hà Tây.
 - Gia phả họ Bùi, Định Công, Thanh Hóa.
 - Gia phả họ Đỗ, xã Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội
 - Hợp phả họ Doãn, Thanh Hóa, Hà Nội.

MỤC LỤC

• LỜI TÁC GIẢ	5
• GIA ĐÌNH GIA PHẢ	7
• CÁCH CHÉP GIA PHẢ	19
• PHẦN ĐỌC THÊM	80
- Việc phụng thờ tiền nhân	80
- Việc để tang người đã khuất	86
- Cách lập bản thờ vọng	89
- Văn lễ thường	90
- Hội đồng gia tộc, trưởng họ	96
• TÀI LIỆU THAM KHẢO	98

TRUNG TÂM UNESCO
PHỔ BIẾN KIẾN THỨC VĂN HÓA, GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

HƯỚNG DẪN VIẾT GIA PHẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
PGS. TS HOÀNG NAM

Biên tập: NGUYỄN THỊ CHÍNH
Trình bày: NGỌC HUYỀN
Sửa bản in : HÀ ANH
Vẽ bìa : TRỌNG HÒA

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19cm
Giấy phép xuất bản số : 4-571/XB - QLXB
In tại : Xưởng in NXB Văn hóa Dân tộc
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2000

9.000 VND

hệ viết gia phả



Giá: 9.000 đ